CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU THUỶ SẢN MIỀN TRUNG
Số: 38../CV-CBTT

V/v CBTT Báo cáo thường niên 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 03 năm 2022

Kính gửi: – **Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**
– **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

I. GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY CÔNG BỐ THÔNG TIN:

1. Tên đơn vị: **CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU THUỶ SẢN MIỀN TRUNG**
2. Mã chứng khoán: **SPD**
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 01 Bùi Quốc Hưng, P. Thọ Quang, Q. Sơn Trà, Tp. Đà Nẵng
4. Điện thoại: 0236. 3824160 Fax: 0236. 3921958
5. Người thực hiện công bố thông tin: Bà Trần Như Thiên My - Tổng Giám đốc, đại diện theo Pháp luật
6. Loại thông tin công bố: Định kỳ

II. NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung xin trân trọng CBTT Báo cáo thường niên năm 2021, được ký ngày 22/03/2022.

Thông tin này sẽ được đăng tải tại trang web điện tử của công ty vào ngày 22/03/2022 tại đường dẫn www.seadananang.com.vn

Chúng tôi xin cam kết những thông tin công bố trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng thông báo!

CTCP XNK THỦY SẢN MIỀN TRUNG
TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0400100778 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG
Q. SƠN TRÀ - TP. ĐÀ NẴNG

Trần Như Thiên My

Nơi nhận:
– *Như trên;*
– *Lưu VT;*
– *Lưu thư ký.*

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK THỦY SẢN MIỀN TRUNG
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN XNK THỦY SẢN MIỀN TRUNG
DN: C=VN, S=ĐÀ NẴNG, L=Hải Châu, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN XNK THỦY SẢN MIỀN TRUNG, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0400100778
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2022.03.22 19:40:14+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 11.2.1

SPD
Aquaculture & Fisheries

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN | 2021

Số 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang,
Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng

(0236) 3821436

info@seadanang.com.vn

www.seadanang.com.vn

MỤC LỤC

01 THÔNG TIN CHUNG

02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

03 BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

04 BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

05 BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

01 | THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Một số thành tích đạt được
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị
- Cơ cấu bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro

THÔNG TIN CHUNG

Tên công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG
Tên Tiếng Anh:	Da Nang Seaproducts Import - Export Corporation
Mã cổ phiếu:	SPD
Giấy CNĐKDN số:	Số 0400100778 cấp lần đầu ngày 14/12/2006, thay đổi lần thứ 19 ngày 02/03/2020
Vốn điều lệ:	120.000.000.000 đồng
Trụ sở chính:	Số 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng
Số điện thoại:	(0236) 3821436
Số fax:	(0236) 3921958
Website:	www.seadanang.com.vn
Email:	info@seadanang.com.vn

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

KHỞI ĐẦU

26/02/1983: Chi nhánh Xuất Khẩu Thuỷ Sản Đà Nẵng được thành lập, tiền thân của Công ty XNK Thủy Sản Miền Trung.
31/03/1993: Công ty XNK Thủy Sản Miền Trung được thành lập, là doanh nghiệp Nhà nước, hạch toán độc lập.
01/01/2007: Công ty Cổ Phần XNK Thuỷ Sản Miền Trung chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, với vốn điều lệ 55 tỷ VNĐ.

CHUYỂN MÌNH

Ngày 05/05/2008, Công ty thông qua phương án tăng vốn điều lệ thành 75,6 tỷ VNĐ.
Ngày 22/04/2010, Công ty có phiên giao dịch đầu tiên trên sàn UpCom với mã chứng khoán SPD.
Ngày 24/03/2012, Công ty tăng vốn điều lệ lên 100 tỷ VNĐ bằng cách chào bán cổ phiếu ra công chúng.
Ngày 08/04/2016, Công ty phát hành riêng lẻ 2 triệu cổ phiếu, tăng vốn điều lệ lên 120 tỷ VNĐ.

HOÀN THIỆN VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Ngày 24/07/2015, Chuyển đổi từ Công ty có vốn nhà nước chi phối sang công ty cổ phần nhà nước không chi phối.
Ngày 05/12/2015, Thay đổi tên viết tắt của công ty từ Seaprodex Đà Nẵng thành Seadanang.
Ngày 25/01/2016, Thay đổi logo Công ty.
Đến nay, Công ty vẫn giữ nguyên mức vốn điều lệ 120 tỷ đồng và không ngừng phấn đấu nhằm hoàn thành tốt các mục tiêu hoạt động hàng năm được ĐHĐCĐ giao phó cũng như đảm bảo được các nghĩa vụ đóng góp vào Ngân sách Nhà nước.

CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

Với sự nỗ lực không ngừng, Seadanang đã được ghi nhận nhiều thành tích hoạt động qua các năm như sau:

- Huân chương lao động của Nhà nước trao tặng (Hạng ba -năm 1992, Hạng nhì -năm 1998, Hạng nhất - năm 2003);
- Danh hiệu Anh Hùng Lao Động trong thời kỳ đổi mới (năm 2000);
- Được vinh danh là Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín 17 năm liền do Bộ Công Thương xét chọn (2004-2020).
- Được công nhận là doanh nghiệp có mối quan hệ lao động tốt thông qua các Bằng khen của UBND Thành phố Đà Nẵng về thành tích "Xuất sắc - tiêu biểu trong việc bảo vệ quyền lợi chính đáng của người lao động", "Xuất sắc trong thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở" ;
- Được "Tôn vinh Doanh nghiệp chăm lo tốt đời sống người lao động" và "Doanh nghiệp tiêu biểu" do Liên đoàn Lao động Thành Phố Đà Nẵng trao tặng;
- Top 30 doanh nghiệp xuất khẩu tôm thẻ chân trắng của Việt Nam trong 3 năm 2019 - 2021;
- Top 10 doanh nghiệp xuất khẩu Tôm vào thị trường Nhật (2019 - 2021), đặc biệt Seadanang giữ vị trí thứ 3 trong năm 2021.
- Và nhiều danh hiệu quan trọng khác...

CƠ CẤU TỔ CHỨC

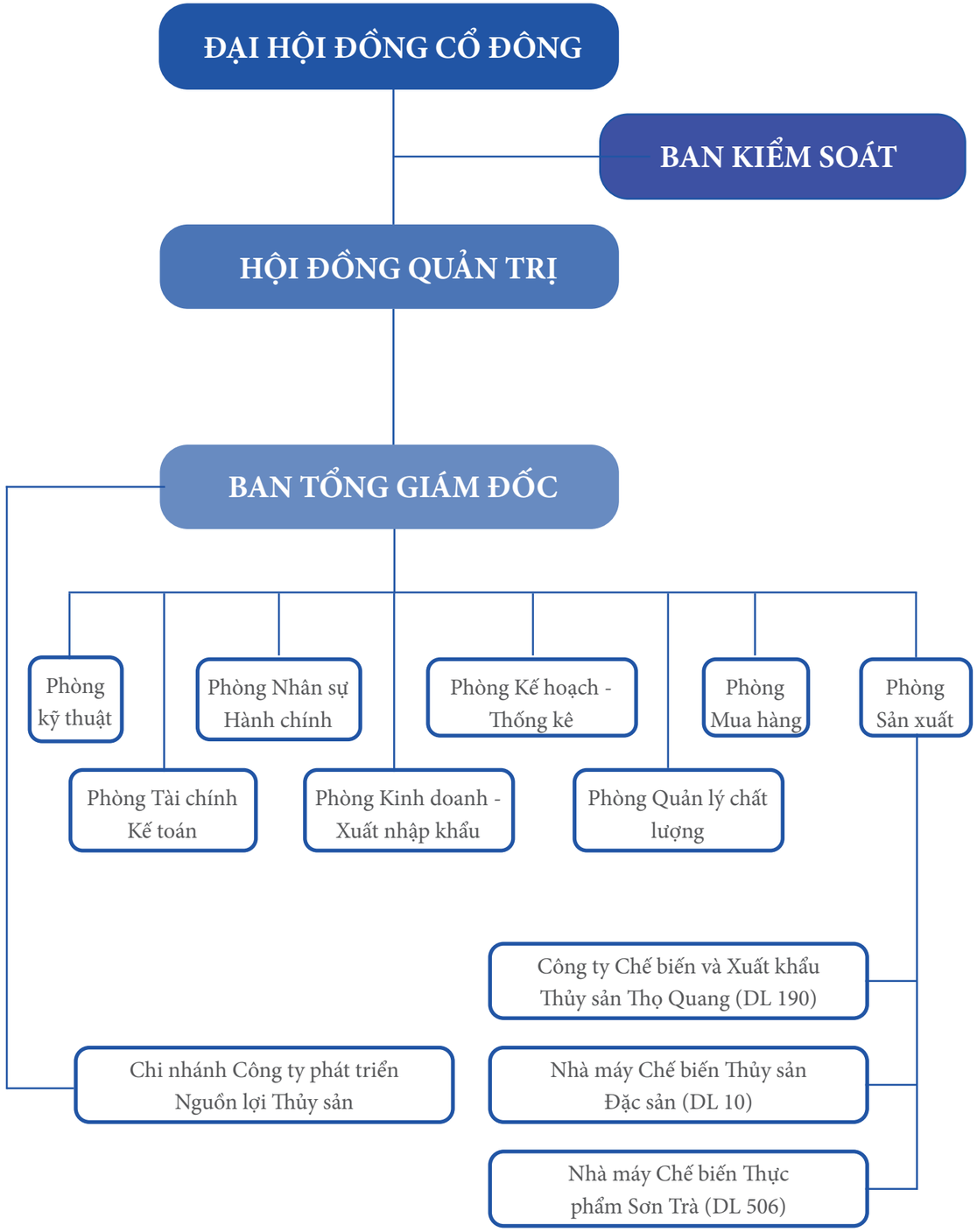

ĐỊA BÀN KINH DOANH

ĐÀ NẴNG

TP. HỒ CHÍ MINH

QUẢNG NAM

THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU

Sản phẩm của Seadanang được tiêu thụ ở hầu hết các thị trường lớn thuộc các châu lục khác nhau như châu Á, châu Âu, châu Mỹ và châu Úc... Trong đó Nhật Bản là thị trường truyền thống lớn nhất của công ty

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

CHẾ BIẾN - XUẤT KHẨU THỦY SẢN

Chủ đạo về tôm thẻ chân trắng, các dòng sản phẩm của Seadanang đa dạng từ truyền thống đến giá trị gia tăng như tôm nguyên con, tôm vỏ, tôm thịt, tôm xiên que, tôm luộc, tôm nobashi, tôm tẩm bột,… Song song với mặt hàng chủ lực, Công ty còn chế biến các loại cá biển như cá hố, cá dũa, cá sòng, cá đồng, cá bánh đường, cá hồi, cá saba,… Điều này giúp thương hiệu Seadanang chinh phục được các thị trường khó tính trên thế giới như Nhật, châu Âu, Mỹ, châu Á, châu Úc,… với kim ngạch xuất nhập khẩu hàng năm không ngừng tăng trưởng.

SẢN XUẤT - KINH DOANH THỨC ĂN NUÔI THỦY SẢN

Thức ăn nuôi thủy sản là lĩnh vực quan trọng trong chuỗi quy trình khép kín của Seadanang. Chất lượng sản phẩm thức ăn ngày càng được nâng cao và hoàn thiện theo quy trình kiểm soát chặt chẽ, hệ số tiêu tốn thức ăn tối ưu, tổng hợp đầy đủ nhu cầu dinh dưỡng cho thuỷ sản nuôi. Ngoài ra, Công ty còn thực hiện các dịch vụ kỹ thuật công nghệ, vật tư, thiết bị phục vụ nuôi trồng thuỷ sản góp phần thúc đẩy nghề nuôi thủy sản Việt Nam phát triển.

KINH DOANH DỊCH VỤ KHO VẬN

Công ty có hệ thống kho lạnh hiện đại, đạt chuẩn quốc tế tại Đà Nẵng với công suất trên 4000 tấn. Seadanang luôn mang đến cho khách hàng sự an tâm về chất lượng và hình thức của từng sản phẩm cần bảo quản lạnh nhờ năng lực thiết bị cao.

TẦM NHÌN

- Trở thành doanh nghiệp tiêu biểu vì cuộc sống lành mạnh;
- Cung cấp các dịch vụ, sản phẩm chất lượng tạo nên một môi trường kinh doanh ổn định, hội nhập và phát triển;
- Mang đến những lợi ích tốt nhất cho nhà đầu tư, quý khách hàng.

SỨ MỆNH

Seadanang cam kết cung cấp cho người tiêu dùng những sản phẩm/dịch vụ có chất lượng cao với tất cả sự nỗ lực, cống hiến và trách nhiệm đối với cuộc sống con người và xã hội.

MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Công ty xác định hoạt động trọng tâm của Công ty là chế biến - xuất khẩu thủy sản, luôn cải tiến để hoàn thiện và thích nghi với sự thay đổi của thị trường – khách hàng, đồng thời tăng hiệu quả kinh doanh của Công ty.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- "Đầu tư vào con người" là đầu tư vào chất lượng công việc, chất lượng sản phẩm;
- Lấy chữ "tín" đối với khách hàng và các bên liên quan làm phương châm hoạt động;
- Lấy các giá trị "đoàn kết - năng động - chuyên nghiệp" làm nền tảng văn hóa doanh nghiệp.
- "Hợp tác cùng phát triển" là môi trường và sức mạnh để tồn tại, cạnh tranh lành mạnh hướng vào thị trường, phát triển bền vững.

CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG CỦA CÔNG TY

Là một Công ty chuyên sản xuất chế biến thủy hải sản, nguồn nguyên liệu của Công ty chủ yếu là thủy sản chưa qua chế biến. Do vậy Seadanang luôn đặt yếu tố môi trường lên hàng đầu.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, Công ty luôn chú trọng, phấn đấu để đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về quản lý chất lượng và môi trường. Ngoài ra, tất cả các nhà máy cả Công ty thực hiện đầy đủ các quy định, yêu cầu về các đánh giá tác động đối với môi trường.

Seadanang thường xuyên đầu tư, trang bị hệ thống trang thiết bị hiện đại giúp tiết kiệm nhiên liệu, điện năng từ đó góp phần giảm các khí thải gây ô nhiễm môi trường.

Đối với các chất thải lỏng, Seadanang trang bị hệ thống xử lý chất thải đạt chuẩn giúp hạn chế tối đa tác hại đến môi trường. Ngoài ra, Công ty cũng ưu tiên sử dụng các loại bao bì thân thiện với môi trường, có thể tái chế hoặc có thể tự phân hủy để bảo vệ môi trường.

Ngành thủy sản Việt Nam đã và đang đối mặt với nhiều vấn đề, nổi cộm là thách thức liên quan đến ô nhiễm môi trường, an toàn thực phẩm, an sinh xã hội, quyền và lợi ích của người lao động… điều này có thể ảnh hưởng đến uy tín và chất lượng thủy sản Việt Nam khi bán ra thị trường thế giới. Công ty đã sớm nắm bắt được yêu cầu của khách hàng quốc tế về những cam kết trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, vì vậy, tháng 02/2021, Seadanang đã hoàn thành đánh giá Tiêu chuẩn BSCI (Bộ tiêu chuẩn đánh giá tuân thủ trách nhiệm xã hội trong kinh doanh) và đạt hạng B.

Đầu năm 2022, Công ty đã nhận được Quyết định số 28/QĐ-BQL của Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng về việc phê duyệt báo cáo tác động môi trường Dự án đầu tư thiết bị chế biến thủy sản nâng công suất từ 3.700 tấn lên 6.000 tấn thành phẩm/năm. Từ quyết định này, Công ty có thể nâng quy mô hoạt động và nâng được lượng nước xả thải từ 700 m3/ngày đêm lên 900 m3/ngày đêm.

Xác định nguồn nhân lực là "nòng cốt" cho sự phát triển của Công ty, Seadanang luôn chú trọng nâng cao chất lượng đời sống của người lao động về cả vật chất đến tinh thần bằng việc xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo, và nhân văn. Tôn vinh những nỗ lực, cống hiến của các cá nhân trong thành công chung của Công ty.

CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

RỦI RO TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

Năm 2021, Việt Nam phải đối đầu với sự bùng phát rất mạnh của Covid-19 do tác động của biến thể Delta, vốn lây lan nhanh. Đợt bùng phát dịch vào quý III/2021 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh tế - chính trị cả nước. Việc giãn cách xã hội tại hầu hết các địa phương kinh tế trọng điểm đã khiến GDP quý III/2021 tăng trưởng âm 6,17% kéo GDP cả nước xuống còn 2,58% mức thấp nhất kể từ năm 2000 đến nay.

Dịch bệnh cũng đã gây ra hàng loạt khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp thủy sản như: Hoạt động vận chuyển nguyên liệu, hàng hóa gặp nhiều gián đoạn do các quy định về giãn cách xã hội; Nhiều nhà máy tại các khu vực nguy cơ cao phải đóng cửa dừng hoạt động hoặc tổ chức sản xuất "3 tại chỗ" (sản xuất, cách ly, ăn nghỉ tại chỗ) khiến phát sinh nhiều chi phí, thiếu công nhân sản xuất, công suất giảm chỉ còn khoảng 30-40%.

Ngoài ra, tính đến tháng 01/2022, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành ba thông tư liên quan đến vấn đề kiểm dịch đối với hàng hóa xuất nhập khẩu. Cụ thể là Thông tư 26/2016, Thông tư 36/2018 và Thông tư 11/2021. Theo đó, 100% các lô hàng nhập khẩu đều phải thực hiện kiểm tra và có chứng nhận kiểm dịch nhập do cơ quan Thú y cấp thì mới được làm thủ tục thông quan. Với thời gian chờ trung bình từ 2 – 5 ngày làm việc, quy định này đã vô tình khiến quá trình thông quan các lô hàng thủy sản chế biến đông lạnh bị kéo dài, doanh nghiệp phải chịu nhiều chi phí phát sinh.

Do vậy, Ban lãnh đạo Công ty luôn theo sát và thường xuyên cập nhật tình hình kinh tế vĩ mô từ đó xây dựng kế hoạch, chiến lược nhằm kịp thời ứng phó với những rủi ro về trong tương lai.

RỦI RO TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI

Các sản phẩm của Công ty đa phần được xuất khẩu đến nhiều thị trường tại nhiều quốc gia trên thế giới. Do vậy, những biến động của tỷ giá sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của Công ty.

Năm vừa qua, VND là một trong số ít đồng tiền lên giá so với USD. Ngân hàng Nhà nước đã liên tục có những thay đổi liên quan đến việc mua bán USD. Từ việc ngừng niêm yết tỷ giá giao ngay từ Sở giao dịch, ngừng việc mua ngoại tệ giao ngay từ ngày 04/01, cho đến giảm sâu giá mua USD. Những thay đổi trên cho thấy Ngân hàng nhà nước đang điều hành tỷ giá một cách linh hoạt. Điều này cũng được thể hiện khi Bộ tài chính Mỹ tái khẳng định Việt Nam không thao túng tiền tệ trong kỳ đánh giá cuối cùng năm 2021.

Những chính sách trên giúp ổn định đồng tiền nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp xuất nhập khẩu. Tuy nhiên, với diễn biến của dịch bệnh có thể khiến tình hình kinh tế - chính trị trở nên bất ổn trong thời gian tới, biến động tỷ giá sẽ ngày càng trở nên khó lường hơn. Điều này là một yếu tố làm ảnh hưởng đến doanh thu xuất khẩu của Công ty và kết quả thực hiện kế hoạch năm 2021.

RỦI RO THANH TOÁN

Do dịch bệnh diễn biến phức tạp, tác động đến tình hình kinh tế - chính trị khiến việc tiêu thụ hàng hóa trở nên khó khăn, gây ảnh hưởng tiêu cực đến dòng tiền kinh doanh của nhiều doanh nghiệp xuất nhập khẩu. Do vậy, Công ty phòng ngừa rủi ro thanh toán bằng cách tham gia vào quá trình thanh toán LC thông qua các ngân hàng, hạn chế việc bị chiếm dụng vốn lâu dài.

RỦI RO PHÁP LUẬT

Là pháp nhân chịu tác động của pháp luật Việt Nam, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung có cổ phiếu niêm yết ở Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SPD, chịu sự tác động bởi nhiều luật liên quan đến kinh doanh như Luật An Toàn Thực Phẩm, Luật Kế toán, các Luật Thuế, … Ngoài ra, do đặc thù ngành thủy sản là thực phẩm nên Công ty phải chịu rất nhiều những quy định khắt khe tại một số thị trường nước ngoài về chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm.

Bên cạnh đó, một số thị trường nước ngoài còn áp đặt các rào cản thương mại nhằm bảo hộ ngành khai thác trong nước như thuế chống bán phá giá hiện đang áp đặt nên ngành xuất khẩu tôm của Việt Nam tại thị trường Mỹ. Ngoài ra, các quy định về truy xuất nguồn gốc, vệ sinh an toàn thực phẩm tại các thị trường khó tính như Châu Âu, Nhật Bản, … cũng mang đến nhiều rủi ro cho hoạt động xuất khẩu của Công ty.

Để giảm thiểu những tác động từ những chính sách trên, Công ty luôn chủ động cập nhật liên tục những bổ sung, sửa đổi luật từ đó chuẩn bị kỹ lưỡng và thực hiện nghiêm túc theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên nghiên cứu và nắm vững yêu cầu của từng thị trường nhằm lên kế hoạch ứng phó với các rủi ro trong tương lai.

RỦI RO CẠNH TRANH

Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP), thủy sản Việt Nam chưa có nhiều lợi thế về cạnh tranh giá bán so với các đối thủ nước ngoài khác. Bởi giá thành nuôi tôm ở Việt Nam cao và nguồn cung chủ yếu đến từ các hộ nuôi nhỏ lẻ, thiếu quy hoạch khiến chi phí tăng cao. Do vậy giá thành xuất khẩu tôm của Việt Nam vẫn còn khá cao so với các đối thủ cạnh tranh trong khu vực. Tuy nhiên, trong năm 2021, nguồn cung tôm của Ấn Độ và Indonesia đối mặt với hàng loạt khó khăn do chịu tác động của dịch bệnh, đây là cơ hội lớn để Việt Nam và các nước khác gia tăng thị phần.

Để có được lợi thế cạnh tranh so với các nước trong khu vực, Công ty luôn tập trung đẩy mạnh kiểm soát chất lượng nguyên liệu đầu vào nhằm đáp ứng đầy đủ yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm tại các thị trường, tiến hành các chiến lược marketing nhằm tiếp cận các phân khúc khách hàng tiềm năng mới đồng thời duy trì mối quan hệ với các khách hàng cũ.

RỦI RO GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU

Tôm nguyên liệu trong nước tập trung hơn 80% ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long, khoảng 12% tập trung ở các vùng Bắc Miền Trung, nên mức độ cạnh tranh nguyên liệu của Công ty là khá căng thẳng, khi các nhà máy chế biến tôm lớn của Việt Nam cũng có mức độ tập trung lớn ở vùng này. Đồng thời, thiên tai, dịch bệnh Covid-19 khiến chi phí sản xuất tăng, đi lại vận chuyển hàng hóa khó khăn, thiếu container, cũng đẩy giá tôm thế giới tăng.

Để nguồn nguyên liệu được đảm bảo chất lượng và chi phí hợp lý, Công ty thường xuyên kiểm soát đầu vào, lên kế hoạch thu mua nguyên liệu phù hợp, nâng cao hệ thống bảo quản, … Đồng thời, Công ty phối hợp với đơn vị nuôi trồng để có được nguồn cung và dự trữ ổn định, tìm kiếm nguồn thu mua mới phù hợp với nhu cầu đặt ra.

RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Sản phẩm kinh doanh chính của Công ty là các loại thủy sản, trong khi đó, thủy sản lại chịu tác động trực tiếp từ yếu tố môi trường. Những năm trở lại đây, chất lượng môi trường nước tại Việt Nam đã được cải thiện khá nhiều. Tuy nhiên, tình trạng xả chất thải chưa qua xử lý ra môi trường vẫn còn tiếp diễn khiến các thông số về chất lượng môi trường nước vượt quá mức cho phép. Bên cạnh đó, việc khí hậu thay đổi theo hướng cực đoan – nắng nóng, ngập mặn, mưa bão thất thường cũng tạo điều kiện cho dịch bệnh ở thủy sản phát triển.

Hiểu được tầm quan trọng của vấn đề này. Trong thời gian tới, Công ty đã chủ động liên kết với các hộ nuôi trồng để quản lý chặt chẽ quy trình nuôi trồng thủy sản từ nguồn nước, con giống, thức ăn, lấy mẫu kiểm tra dư lượng kháng sinh trước khi thu hoạch, …

RỦI RO BẤT KHẢ KHÁNG

Ngoài những rủi ro nêu trên thì Công ty cũng phải gánh chịu một số rủi ro bất khả kháng như là thiên tai, hỏa hoạn… gây thiệt hại lớn về người và tài sản. Chính vì thế, Công ty chủ động phòng ngừa các rủi ro không đáng có trong tương lai bằng các hợp đồng bảo hiểm về tài sản cũng như con người để hạn chế thấp nhất những tổn thất có thể xảy ra.

02| TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư và thực hiện dự án
- Tình hình tài chính
- Tình hình cổ đông và thay đổi vốn CSH
- Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2021 là một năm "vượt khó" thành công với các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản Việt Nam. 6 tháng đầu năm, hoạt động xuất khẩu thủy sản đã có những bước phục hồi nhờ vào nhu cầu tiêu dùng tăng cao tại các thị trường trên thế giới. Tuy nhiên, đến quý III/2021, đợt bùng phát dịch lần thứ 4 đã làm đứt gãy chuỗi phục hồi kinh tế. Giá trị xuất khẩu thủy sản trong quý III/2021 chỉ đạt 2,1 tỷ USD, giảm 15% so với cùng kỳ năm ngoái.

Tuy nhiên, kết thúc năm 2021, ngành xuất khẩu thủy sản Việt Nam đã có được những thành tựu nhất định. Tại các thị trường xuất khẩu đều có những bước tăng trưởng tích cực sau khoảng thời gian bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid - 19. Bên cạnh đó các hiệp định EVFTA và UKVFTA có hiệu lực giúp giảm thuế quan cũng đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của ngành thủy sản Việt Nam. Theo đó, kim ngạch xuất khẩu thủy sản 2021 ước đạt 8,89 tỷ USD, tăng 5,7% so với cùng kỳ năm ngoái và vượt 4,6% kế hoạch đề ra. Đây là năm kết thúc chuỗi 3 năm liên tiếp kim ngạch giảm.

Nhìn chung năm 2021, hoạt động sản xuất kinh doanh của Seadanang đã đạt được nhiều thành quả nhất định. Tổng doanh thu của Công ty đạt 859,356 tỷ đồng, tương ứng với mức tăng 21,21% so với cùng kỳ năm ngoái, lợi nhuận sau thuế đạt 1,245 tỷ đồng. Đây là năm thành công của SPD khi đã chấm dứt được chuỗi 3 năm doanh thu giảm liên tiếp. Giải thích cho mức tăng này, từ tháng 9, các doanh nghiệp có nhu cầu tiêu thu mặt hàng tôm cao để đáp ứng các đơn hàng vào cuối năm nên cũng khiến giá tôm tăng dần. Điều này khiến doanh thu của Công ty trong năm qua đã có nhiều cải thiện.

Dù vậy, ngành thủy sản nói chung và các doanh nghiệp thủy sản nói riêng vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn. Tình hình dịch bệnh vẫn diễn biến khó lường, chuỗi cung ứng bị đứt gãy khiến chi phí lưu kho và giá cước vận tải tăng cao. Bên cạnh đó, hoạt động xuất nhập khẩu của Công ty cũng chịu sự cạnh tranh gay gắt từ các đối thủ cạnh tranh khác trong khu vực và thế giới. Có thể nói, năm 2021 là một năm có nhiều khó khăn, thách thức nhưng cũng ẩn chứa nhiều cơ hội đối với Seadanang.

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% 2021/2020
1	Tổng doanh thu	709.010	859.356	121,21%
2	Doanh thu thuần	708.782	858.642	121,14%
3	Lợi nhuận từ HĐKD	(18.943)	3.112	-
4	Lợi nhuận khác	191	195	102,09%
5	Lợi nhuận trước thuế	(18.752)	3.307	-
6	Lợi nhuận sau thuế	(18.752)	1.245	-

VỀ DOANH THU

CƠ CẤU DOANH THU THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% 2021/2020	Tỷ trọng năm 2020	Tỷ trọng năm 2021
Doanh thu chế biến – xuất khẩu thủy sản	678.340	825.350	121,67%	95,67%	96,04%
Doanh thu kinh doanh vật tư hàng hóa	-	1.038	-	-	0,12%
Doanh thu sản xuất thức ăn nuôi thủy sản	17.710	19.093	107,81%	2,50%	2,22%
Doanh thu kinh doanh dịch vụ kho vận	12.960	13.875	107,06%	1,83%	1,61%
Tổng	709.010	859.356	121,21%	100,00%	100,00%

Mảng chế biến – xuất khẩu thủy sản:

Năm 2021 là năm "thoát hiểm" ngoạn mục của ngành thủy sản. Trong bối cảnh dịch bệnh Covid – 19 diễn biến phức tạp ảnh hưởng không nhỏ đến ngành nông nghiệp nói chung, trong đó có ngành thủy sản. Dẫu vậy, nhờ vào các quyết sách chống dịch thích ứng, linh hoạt đã mang đến luồng sinh khí mới, giúp cho ngành sản xuất và xuất khẩu thủy sản nhanh chóng hồi phục. Theo đó, doanh thu chế biến – Xuất khẩu thủy sản của SPD năm 2021 đạt 825,35 tỷ đồng, tương ứng với mức tăng 21,67% so với cùng kỳ năm ngoái. Đây cũng là lĩnh vực chủ đạo trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khi chiếm hơn 96% tỷ trọng trong cơ cấu doanh thu của SPD.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Mảng sản xuất – kinh doanh thức ăn nuôi thủy sản:

Các sản phẩm thức ăn thủy sản bao gồm thức ăn nuôi tôm với các thương hiệu như NANO, KP- 90, SUMO, Thai-One,… và các loại thức ăn nuôi cá như A-SEANEW, Sea-Pro-BS05, Sea-Pro-v05,... Đây là cũng là lĩnh vực chịu ảnh hưởng khá nhiều của dịch Covid – 19 nên doanh số bán hàng vẫn chưa đạt được so với kế hoạch đề ra. Dẫu vậy, doanh thu của mảng này vẫn tăng hơn 7,81% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt hơn 19 tỷ đồng.

Mảng kinh doanh dịch vụ kho vận:

Hiện mảng này được hoạt động tại chi nhánh Đà Nẵng với các dịch vụ cấp đông và bảo quản lạnh các loại hàng hoá như thủy sản, súc sản, nông sản và nhiều loại thực phẩm khác. Năm 2021, đơn vị kinh doanh dịch vụ kho vận có doanh số đạt 13,87 tỷ đồng tương đương với mức tăng 7,06% so với cùng kỳ năm ngoái.

CƠ CẤU DOANH THU THEO ĐƠN VỊ KINH DOANH

ĐVT: Tỷ đồng

ĐƠN VỊ KD	KH 2021 (tỷ đồng)	TH 2021 (tỷ đồng)	TH 2020 (tỷ đồng)	% TH 2021 so với KH 2021	% TH 2021 so với cùng kỳ 2020
Tại Công ty, trong đó:	**801,70**	**842,89**	**695,05**	**105,14%**	**121,27%**
Thủy sản	790,00	830,54	681,42	105,13%	121,88%
Kho vận	10,50	10,68	10,66	101,71%	100,19%
Khác	1,20	1,67	2,97	139,17%	56,23%
CN Công ty tại Tp HCM	**3,30**	**2,43**	**1,74**	**73,64%**	**139,66%**
CN - Cty PTNL Thủy sản	**25,00**	**19,53**	**17,48**	**78,12%**	**111,73%**
TỔNG CỘNG	**830,00**	**864,85**	**714,27**	**104,20%**	**121,08%**

Năm 2021 doanh thu tại các chi nhánh vẫn chưa đạt được so với kế hoạch đề ra, một phần nguyên do là từ vào tháng 11/2021, SPD dừng hoạt động tại chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh nên khiến doanh thu tại đây không được như mong đợi. Tuy nhiên, nhìn chung thì doanh thu tại các chi nhánh đều ghi nhận mức tăng trưởng so với cùng kỳ năm ngoái. Cụ thể, doanh thu tại Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh và Chi nhánh PTNL Thủy sản lần lượt đạt 2,43 và 19,53 tỷ đồng, tăng 39,66% và 11,73% so với cùng kỳ. Trong khi đó, tại Công ty doanh thu đạt mức tăng trưởng khá tốt, đạt 105,14% kế hoạch và tăng 21,27% so với cùng kỳ năm ngoái.

VỀ CHI PHÍ

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% 2021/2020
1	Giá vốn hàng bán	649.532	793.709	122,20%
2	Chi phí tài chính	22.553	13.150	58,31%
3	Chi phí bán hàng	13.438	16.231	120,78%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	47.240	36.892	78,09%
5	Chi phí khác	59	851	1.442,37%
	TỔNG CỘNG	732.822	860.833	117,47%

Năm 2021, chi phí giá vốn hàng bán của công ty tiếp tục tăng cao, tăng hơn 22,2% so với cùng kỳ năm ngoái. Ngoài ra tỷ trọng giá vốn hàng bán trên doanh thu cũng ở mức cao là 92,2%. Đây là tình trạng chung của hầu hết các doanh nghiệp chế biến thủy hải sản Việt Nam. Vì đa phần nguồn liệu đều đến từ các hộ nuôi trồng nhỏ lẻ. Trong khi đó, giá con giống và chi phí vận chuyển tăng cao do tình hình dịch bệnh biến giá nguyên liệu đầu vào trở thành một vấn đề khó với Công ty.

Chi phí tài chính giảm 41,69% so với cùng kỳ. Điều này là do năm ngoái Công ty điều chỉnh giá trị phần vốn góp vào Công ty Cổ phần Đầu tư New City Đà Nẵng (NCS) nên hạch toán chi phí phát sinh từ vốn góp chưa hoàn tất thủ tục hơn 10,6 tỷ đồng. Ngoài ra, trong năm Công ty cũng có khoản phạt vi phạm hành chính hơn 844 triệu đồng do chậm nộp thuế, điều này khiến khoản mục chi phí khác của Công ty tăng đột biến.

DANH SÁCH BAN LÃNH ĐẠO

Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (*)	Tỷ lệ sở hữu
Lê Vĩnh Hòa	Chủ tịch HĐQT	0	0
Trần Mạnh Hữu	Phó Chủ tịch HĐQT	0	0
Lê Mạnh Thường	Thành viên HĐQT	0	0
Trần Như Thiên Mỵ	Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc	0	0
Đỗ Văn Sinh	Thành viên HĐQT	0	0
Trần Phước Thái	Trưởng Ban kiểm soát	0	0
Trần Hữu Hoàng	Thành viên Ban kiểm soát	0	0
Phan Minh Khuê	Thành viên Ban kiểm soát	0	0
Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	90	0
Lê Thanh Phương	Kế toán trưởng	0	0

(*) Tính tại thời điểm 31/12/2021

Ông Lê Vĩnh Hòa	
Họ và tên	Lê Vĩnh Hòa
Ngày tháng năm sinh	12/11/1982
Chức vụ hiện nay	Chủ tịch HĐQT
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Thủy sản số 4; Thành viên HĐQT CTCP XNK Thủy sản Năm Căn; Chủ tịch HĐQT CTCP Cơ khí Đóng tàu Thủy sản Việt Nam. Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – CTCP.
Số cổ phần nắm giữ	Không
Quá trình công tác	
2007 - 09/2007	Nhân viên kinh doanh tại Công ty TNHH Minh Thông
10/2007 - 02/2012	Chuyên viên Môi giới, Trưởng phòng Môi giới, Phó giám đốc Chi nhánh tại CTCP Chứng khoán Đà Nẵng – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh
11/2012 - Nay	Chuyên viên Phòng Quản lý vốn, Phó trưởng Phòng Quản lý vốn, Phó trưởng Phòng Tài chính Kế toán, Trưởng Phòng Tài chính Kế toán, Người phụ trách quản trị Tổng công ty tại Tổng công ty Thủy sản Việt Nam, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam
26/12/2018 - 10/02/2020	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung
02/2020 - Nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP XNK Thủy sản Miền Trung

Ông Trần Mạnh Hữu	
Họ và tên	Trần Mạnh Hữu
Ngày tháng năm sinh	01/11/1978
Chức vụ hiện nay	Phó Chủ tịch HĐQT
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Thành viên HĐQT – CTCP XNK và Hợp tác đầu tư giao thông vận tải; Trưởng Ban Kiểm soát - Tổng công ty Viglacera – CTCP; Phó giám đốc phụ trách Ban Đầu tư – Gelex.
Số cổ phần nắm giữ	Không
Quá trình công tác	
Năm 2001 – Năm 2004	Chuyên viên phòng TCKT, Phụ trách phòng TCKT (Xí nghiệp Sản xuất kinh doanh ống thép Machino) tại Tổng Công ty Máy và Phụ tùng;
Năm 2004 – Năm 2008	Thanh tra viên tại Thanh tra Bộ - Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương);
Năm 2008 – Năm 2012	Chuyên viên Ban Kiểm soát, Thành viên Ban Kiểm soát, Chuyên viên VPĐH, Phó Trưởng ban TCKT tại Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước;
Năm 2012 – Năm 2014	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc tại Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả;
Năm 2014 – Tháng 10/2018	Phó trưởng Ban QLRR, Phó Trưởng Ban Đầu tư 2; Phó trưởng Ban Đầu tư 5;
Tháng 10/2018 – Tháng 04/2021	Phó Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT tại Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – CTCP;
Ngày 26/12/2018 – Nay	Phó chủ tịch HĐQT Công ty CP XNK Thủy sản Miền Trung;
Tháng 03/2020 – Tháng 04/2021	Trưởng Ban đầu tư 5 – Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước;
Tháng 05/2021 – Nay	Phó giám đốc phụ trách Ban Đầu tư – Gelex.

Ông Lê Mạnh Thường	
Họ và tên	Lê Mạnh Thường
Ngày tháng năm sinh	09/01/1975
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	• Chủ tịch HĐQT CTCP Trường Mạnh Holdings Việt Nam; • Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư và phát triển Đức Quân (FTM); • Chủ tịch HĐQT Công ty Bất động sản Đại Cường; • Chủ tịch HĐQT CPTP Đầu tư New City Seadanang (NCS).
Số cổ phần nắm giữ	Không
Quá trình công tác	
Năm 2006 – Năm 2013	Chủ tịch Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Vinaland;
Năm 2006 – Năm 2016	Chủ tịch Hội đồng quản trị - CTCP Đầu tư và Phát triển Phú Việt;
Năm 2013 - Nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị - CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân;
Năm 2016 – Tháng 06/2020	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TP.HCM;
Năm 2016 – Tháng 06/2021	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Long Hậu;
Năm 2016 – Nay	Chủ tịch Công ty TNHH Trường Mạnh Holdings Việt Nam;
Ngày 11/09/2018 – Ngày 10/02/2020	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung;
Ngày 28/09/2017 – Ngày 11/09/2018 và Ngày 10/02/2020 – Nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung;
Năm 2017 – Nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư New City Seadanang.

Bà Trần Như Thiên Mỵ	
Họ và tên	Trần Như Thiên Mỵ
Ngày tháng năm sinh	11/06/1969
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc Người phụ trách quản trị Công ty
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ	Không
Quá trình công tác	
Năm 1991 – Tháng 11/1993	Kế toán - Seaprodex Nha Trang;
Tháng 12/1993 – Tháng 10/2003	Kế toán - Công ty XNK Thủy Sản Miền Trung (Seaprodex Danang);
Tháng 11/2003 – Năm 2006	Thư ký, trợ lý Giám đốc - Seaprodex Danang;
Tháng 01/2007 – Tháng 08/2007	Phó Ban Tài chính - Kế hoạch - Đấu tư (Seaprodex Danang);
Tháng 09/2007 – Năm 2009	Phó Giám đốc Công ty CB & XK Thủy Sản Thọ Quang (Seaprodex Danang);
Tháng 01/2010 – Tháng 09/2012	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung;
Tháng 10/2012 – Tháng 03/2017	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP XNK Thủy Sản Miền Trung;
Tháng 03/2017 - Nay	Tổng Giám đốc Công ty CP XNK Thủy Sản Miền Trung;
Tháng 05/2017 - Nay	Thành viên HĐQT Công ty CP XNK Thủy Sản Miền Trung;
Ngày 01/04/2021 – Nay	Người phụ trách quản trị Công ty CP XNK Thủy sản Miền Trung.

Ông Đỗ Văn Sinh	
Họ và tên	Đỗ Văn Sinh
Ngày tháng năm sinh	31/03/1980
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân (FTM)
Số cổ phần nắm giữ	Không
Quá trình công tác	
2004 - 2012	Trưởng Phòng Kinh doanh CTCP Tập đoàn Đại Cường
2013 - 2016	Phó Giám đốc kinh doanh CTCP Đấu tư và Phát triển Đức Quân
9/2017 - 2/2018	Trợ lý Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc Kinh doanh - Kho vận Công ty CP XNK Thủy sản Miền Trung
03/02/2018 – 01/04/2019	Phó Tổng Giám đốc CTCP XNK Thủy sản Miền Trung
03/02/2018 – Nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP XNK Thủy sản Miền Trung
12/2018 – 04/2019	Giám đốc kinh doanh Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Đức Quân
04/2019 – Nay	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Đức Quân
10/2019 – Nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Đức Quân

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Ông Trần Phước Thái	
Họ và tên	Trần Phước Thái
Ngày tháng năm sinh	08/04/1963
Chức vụ hiện nay	Trưởng Ban kiểm soát
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Trưởng BKS Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – CTCP (SEA); Thành viên HĐQT CTCP Thủy đặc sản (SPV); Chủ tịch HĐQT Công ty liên doanh Thủy sản Việt Nga;
Số cổ phần nắm giữ	Không
Quá trình công tác	
Tháng 10/1986 – Tháng 11/2005	Công tác tại Công ty Thủy sản Khu vực II;
Tháng 12/2005 – Nay	Công tác tại Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – CTCP;
Tháng 04/2011 – Nay	Phó Phòng Tài chính - Tổng hợp Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam;
Ngày 20/05/2017 – Ngày 15/06/2020	Thành viên BKS Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung;
Ngày 15/06/2020 – Nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP XNK Thủy sản miền Trung.

Bà Phan Minh Khuê	
Họ và tên	Phan Minh Khuê
Ngày tháng năm sinh	25/04/1996
Chức vụ hiện nay	Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần năm giữ	Không
Quá trình công tác	
07/2018 - nay	Nhân viên Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung

Ông Trần Hữu Hoàng	
Họ và tên	Trần Hữu Hoàng
Ngày tháng năm sinh	15/06/1979
Chức vụ hiện nay	Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cơ khí đóng tàu Thủy sản Việt Nam; Trưởng phòng quản lý Danh mục đầu tư Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – CTCP; Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần XNK Thủy sản Năm Căn; Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long.
Số cổ phần nắm giữ	Không
Quá trình công tác	
Tháng 07/2003 – Tháng 02/2007	Nhân viên, Phó phòng Kế toán Công tty Seaprodex Sài Gòn – XN Kho V;
Tháng 02/2007 – Tháng 10/2008	Quyền Kế toán trưởng Công ty CP CK Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh;
Tháng 11/2008 – Tháng 11/2011	Phó phòng Kế toán Công ty Seaprodex Đà Nẵng – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh;
Tháng 05/2012 – Tháng 10/2016	Phó phòng Tài chính kế toán Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam;
Tháng 11/2016 – Tháng 09/2018	Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khai thác Hải sản Biển Đông;
Ngày 02/12/2019 – Nay	Phó phòng Kế hoạch Tổng hợp Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – CTCP;
Ngày 27/04/2020 – Nay	Thành viên Ban kiểm soát Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – CTCP;
Ngày 10/06/2020 – Nay	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung;
Ngày 15/06/2020 – Nay	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cơ khí đóng tàu Thủy sản Việt Nam;
Ngày 01/03/2021 – Nay	Trưởng phòng quản lý Danh mục đầu tư Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – CTCP.

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Ông Nguyễn Anh Tuấn	
Họ và tên	Nguyễn Anh Tuấn
Ngày tháng năm sinh	31/12/1970
Chức vụ hiện nay	Phó Tổng giám đốc
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ	Không
Quá trình công tác	
08/1994 - 04/1999	Chuyên viên Phòng Kế hoạch Xí nghiệp chế thủy sản 86
05/1999 - 09/2003	Phó Phòng Kế hoạch Xí nghiệp chế thủy sản 86
10/2003 - 12/2006	Trưởng Phòng Kế hoạch Xí nghiệp chế thủy sản 86
01/2007 - 09/2012	Phó Giám đốc Công ty CB & XK Thủy sản Thọ Quang
10/2012 - Nay	Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP XNK Thủy sản Miền Trung

Ông Lê Thanh Phương	
Họ và tên	Lê Thanh Phương
Ngày tháng năm sinh	20/10/1977
Chức vụ hiện nay	Kế toán trưởng
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ	Không
Quá trình công tác	
2000-2001	Nhân viên kế toán - Công ty Bia Đà Nẵng
2002-2005	Phó phòng kế toán, quyền kế toán trưởng Chi nhánh Công ty chế biến và xuất khẩu thủy sản Cam Ranh thuộc Công ty XNK Thủy sản Miền Trung
2007-10/2012	Kế toán trưởng Chi nhánh Công ty chế biến và xuất khẩu thủy sản Thọ Quang thuộc Công ty CP XNK TS Miền Trung
10/2012-nay	Kế toán trưởng - CTCP XNK thủy sản Miền Trung

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (Người)	Tỷ lệ
1	Trình độ trên đại học	4	0,46%
2	Trình độ Đại học	89	10,14%
3	Trình độ Cao đẳng	32	3,64%
4	Trình độ Trung cấp	40	4,56%
5	Tốt nghiệp Trung học phổ thông	336	38,27%
6	Khác	377	42,94%
	Tổng	**878**	**100%**

Tổng số lao động trực tiếp tại thời điểm cuối năm của Công ty tăng nhẹ, tăng 26 lao động trong năm 2021.

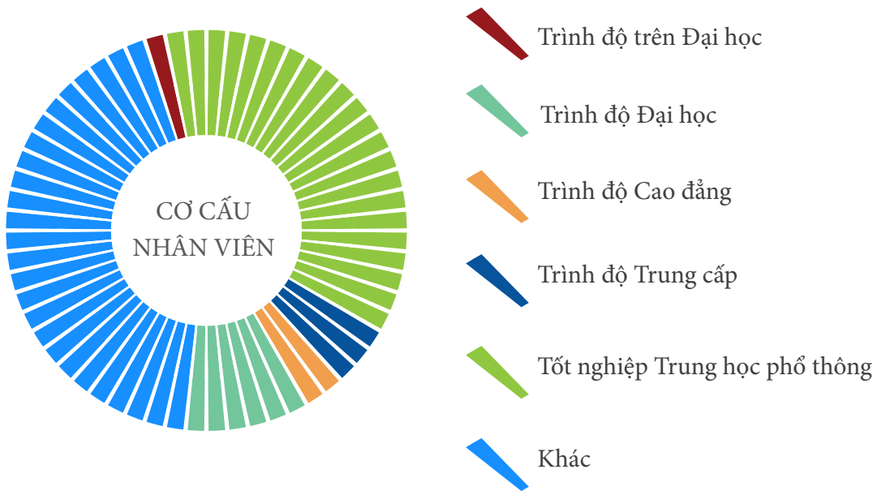

THU NHẬP BÌNH QUÂN

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Tổng số lượng người lao động (người)	714	689	852	878
Thu nhập bình quân (Đồng/Người/Tháng)	8.070.769	8.204.235	8.667.220	8.539.470

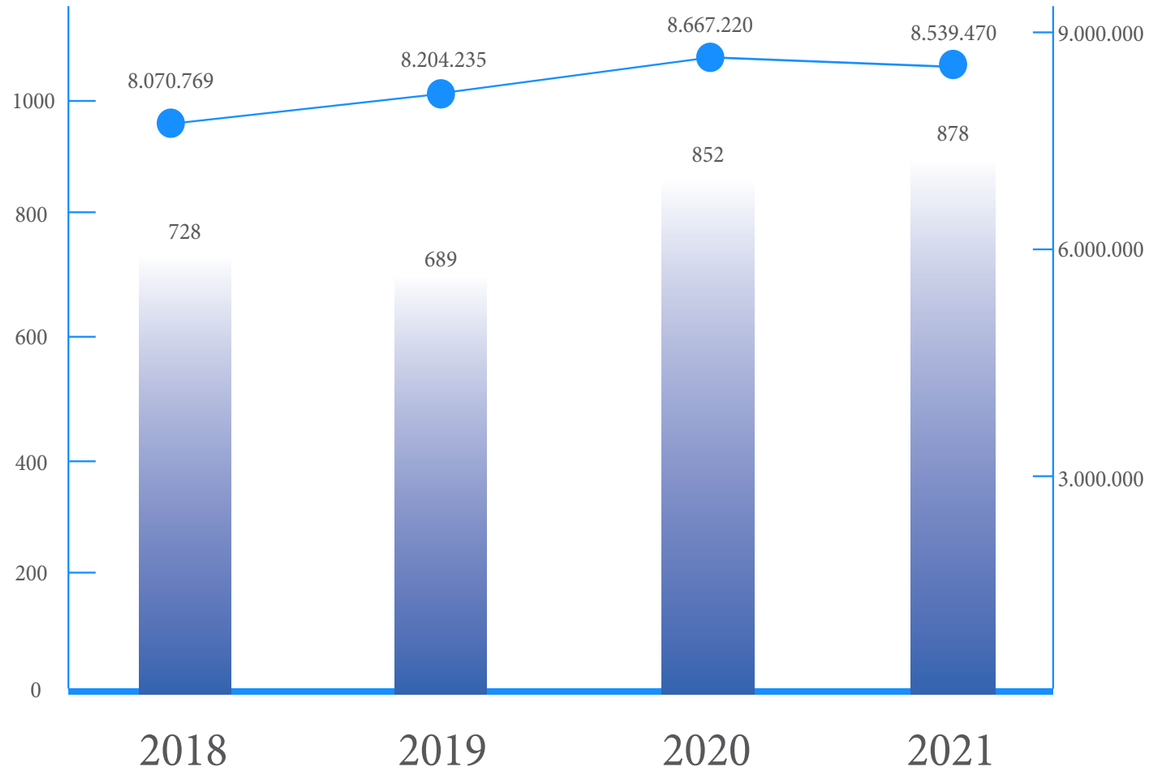

THU NHẬP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI QUA CÁC NĂM

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Về đào tạo

Xác định nguồn nhân lực là nòng cốt cho sự phát triển của Công ty. SPD xem việc đầu tư vào con người là hình thức đầu tư vào tương lai của chính Công ty. Do vậy, Ban lãnh đạo định kỳ lên kế hoạch, tổ chức các khóa học đào tạo về kỹ năng chuyên môn, kỹ năng mềm, nâng cao tay nghề từ đó giúp năng suất lao động và hiệu quả sản xuất của Công ty được nâng cao. Ngoài ra, Công ty thường xuyên xem xét, đánh giá về năng lực, kỹ năng chuyên môn của từng cá nhân để có thể bố trí họ vào những vị trí phù hợp với khả năng của mình.

Về môi trường công việc

Để người lao động có thể phát huy tối đa năng lực mình, Công ty luôn chú trọng tạo một môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện, năng động. Bên cạnh đó, SPD cũng trang bị đầy đủ các trang thiết bị, máy móc, phương tiện làm việc, phương tiện bảo hộ cá nhân để đảm bảo an toàn và sức khỏe cho người lao động.

Về lương, thưởng

Chính sách lương thưởng luôn được Công ty thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật, tuyệt đối tuân thủ các quy chế về lương đã đăng ký với Cơ quan chức năng và các cam kết với người lao động. Bên cạnh đó, Thu nhập được trả căn cứ thị trường lao động, trình độ, năng lực, trách nhiệm, khối lượng công việc thực tế và kết quả công việc của cá nhân.

Về thăng tiến

Cơ hội thăng tiến nghề nghiệp công bằng cho mọi đối tượng được xác lập bằng kế hoạch sử dụng nguồn nhân lực và lộ trình nghề nghiệp cụ thể cho từng vị trí chức danh với các tiêu chuẩn rõ ràng. Với lộ trình này, mỗi nhân viên đều biết mình đang ở nấc thang nào trong lộ trình nghề nghiệp và cần phải trang bị thêm những kiến thức và kỹ năng gì để phát triển chuyên môn, năng lực và để thăng tiến lên những vị trí cao hơn.

Về phúc lợi, đãi ngộ

Với quan điểm chính sách tốt là cơ sở để đánh giá sự lớn mạnh của doanh nghiệp, SPD luôn tạo điều kiện cho mọi thành viên trong Công ty được thụ hưởng chế độ làm việc tối ưu nhằm thúc đẩy nguồn nhân lực tự thân vận động theo chiều hướng tích cực, bao gồm:

- Đảm bảo 100% cán bộ công nhân viên của Công ty được ký kết Hợp đồng lao động và tham gia Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện mua bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể cán bộ công nhân viên.
- Nâng lương cho người lao động thực hiện đúng quy trình, quy định của pháp luật.
- Thực hiện đúng chế độ thai sản, nuôi con nhỏ, nghỉ việc riêng, nghỉ phép năm.
- Hỗ trợ 100% chi phí đào tạo, nâng cao tay nghề cho công nhân trực tiếp sản xuất.
- Trang bị bảo hộ lao động, các phương tiện bảo vệ cá nhân tại nơi làm việc theo yêu cầu ngành nghề, đảm bảo chất lượng, đảm bảo An toàn, Vệ sinh lao động.
- Chế độ khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể cán bộ công nhân viên.

Năm 2021, Công ty sẽ tiếp tục áp dụng thêm một số chính sách chăm sóc y tế, hỗ trợ người lao động vượt qua dịch bệnh và chính sách phúc lợi dành cho lao động trực tiếp để tăng tính cạnh tranh trong thu hút lao động.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

Chỉ tiêu	SPD sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá vốn của SPD (VNĐ)
Công ty CP đầu tư New City Seadanang	1.836.557	23,44%	18.365.570.000

ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

Chỉ tiêu	SPD sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty CP Long Hậu (LHG)	137.910	0,28%

ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Chỉ tiêu	Giá gốc	Giá trị sổ sách (VNĐ)
Trái phiếu ICB (*)	500.000.000	500.000.000

(*) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là 50 trái phiếu mệnh giá 10.00.000 đồng của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Ngũ Hành Sơn, kỳ hạn 10 năm, lãi suất bằng lãi suất tham chiếu +0,8%/năm, được chấp thuận mua vào ngày 21/06/2018.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,18	1,11
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,49	0,57
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	67,89	74,46
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	211,39	291,53
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,12	4,79
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	2,08	2,12
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-2,65	0,15
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	-15,13	1,08
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	-5,50	0,31
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	-2,67	0,36

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2021 là 1,11 thấp hơn năm 2020 là 1,18 do nợ ngắn hạn tăng nhiều hơn so với tài sản lưu động. Dưới tác động của dịch bệnh, tỷ lệ hoãn, hủy đơn hàng cao nên doanh thu bán hàng giảm cùng với lũ lụt kéo dài nguồn cung thấp. Bên cạnh đó, giá nguyên vật liệu tăng cao dẫn đến các khoản nợ phải trả cho nhà cung cấp nguyên liệu tăng. Tuy nhiên, hệ số vẫn lớn hơn 1, chứng tỏ Công ty vẫn đủ khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn.

Mặt khác, hệ số thanh toán nhanh trong năm đạt mức 0,57 lần, tăng 0,8 lần so với cùng kỳ năm ngoái. Điều này là do hàng tồn kho năm 2021 ghi nhận mức tăng 7,32% so với đầu kỳ.

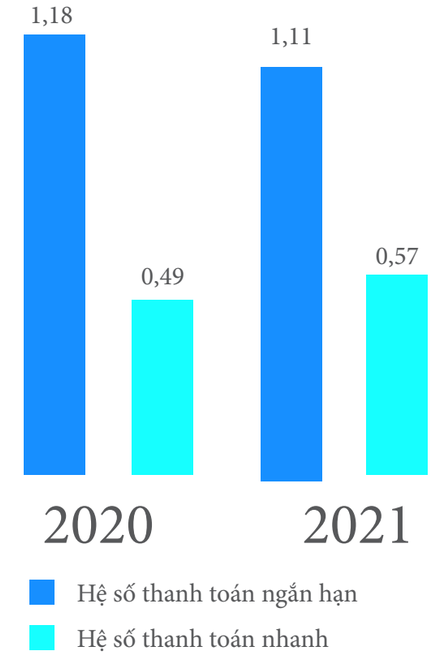

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Trong năm, hệ số tổng nợ trên tổng tài sản tăng từ 67,89% năm 2020 lên 74,46%, hệ số tổng nợ trên vốn chủ sở hữu cũng tăng lên 291,53% từ 211,39%. Điều này là do nợ phải trả của Công ty trong năm ghi nhận mức tăng 39,41% đạt 337,03 tỷ đồng so với mức tăng chỉ 27,11% của tài sản. Bên cạnh đó, vốn chủ sở hữu của SPD trong năm qua không có quá nhiều thay đổi khi chỉ tăng 1,09% so với đầu kỳ. Ngoài ra, tình hình dịch bệnh khiến các chi phí tăng cao, các khoản phải trả khách hàng, phải trả người lao động theo đó cũng tăng lên. Các lý do trên đã khiến chỉ tiêu về cơ cấu vốn tăng khá mạnh so với năm trước.

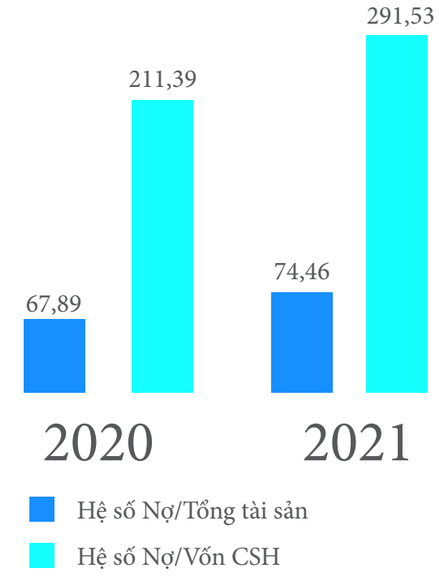

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Về năng lực hoạt động, vòng quay hàng tồn kho năm 2021 đã có mức tăng đáng kể so với cùng kỳ, đây là năm phá vỡ chuỗi giảm 3 năm liên tiếp của Công ty. Do đặc thù ngành sản xuất kinh doanh nên nguyên liệu phải được dự trữ ở mức nhất định và tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp vào quí III/2021 làm đứt gãy chuỗi cung ứng khiến hàng tồn kho tăng hơn 11 tỷ trong năm ngoái. Tuy nhiên, doanh thu tăng trưởng 21,21% so với cùng kỳ đã khiến vòng quay tăng từ 4,12 lên 4,79 trong năm 2021.

Vòng quay tổng tài sản tăng 2,08 lên 2,12 trong năm 2021 cho thấy khả năng quản lý tài sản của doanh nghiệp cho các hoạt động sản xuất kinh doanh đã có những cải thiện. Dù cho khoản mục phải thu khách hàng có mức tăng so với năm ngoái, nhưng khi so sánh với mức tăng trưởng doanh thu thì đây là mức tăng có thể chấp nhận được.

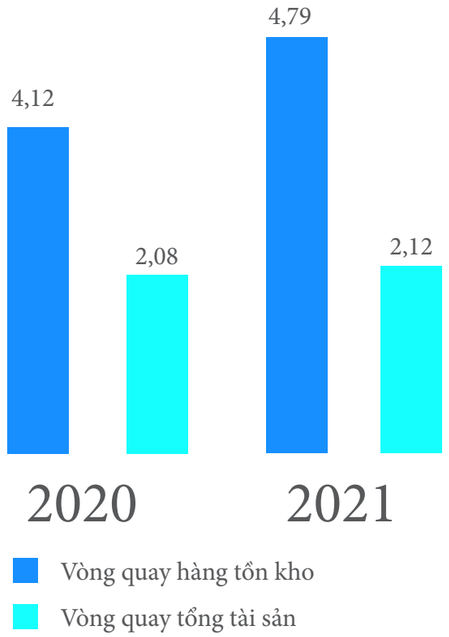

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Biên lợi nhuận gộp của SPD trong năm 2021 đã có mức tăng từ 11,96% lên 13,21% trong năm 2021. Đây là do các biện pháp nới lỏng giãn cách xã hội ở cả trong nước và trên thế giới đã giúp cân bằng được giá vốn thành phẩm và giá bán sản phẩm. Bên cạnh đó, vào những tháng cuối năm nhu cầu tiêu thụ các loại thủy hải sản tăng cao khiến doanh thu tăng hơn 21% so với cùng kỳ.

Mặt khác, các chỉ tiêu khác như tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) và Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA) lại có mức tăng đáng kể, lần lượt đạt mức 1,08% và 0,31% do Công ty đã nỗ lực trong việc giảm các chi phí tài chính, chi phí quản lý. Dù con số này vẫn ở mức khá thấp so với trung bình ngành. Tuy nhiên, đây đã là mức tăng đáng kể so với đợt giảm sâu năm 2020, điều này cho thấy Công ty đã sử dụng tài sản và nguồn vốn tốt hơn.

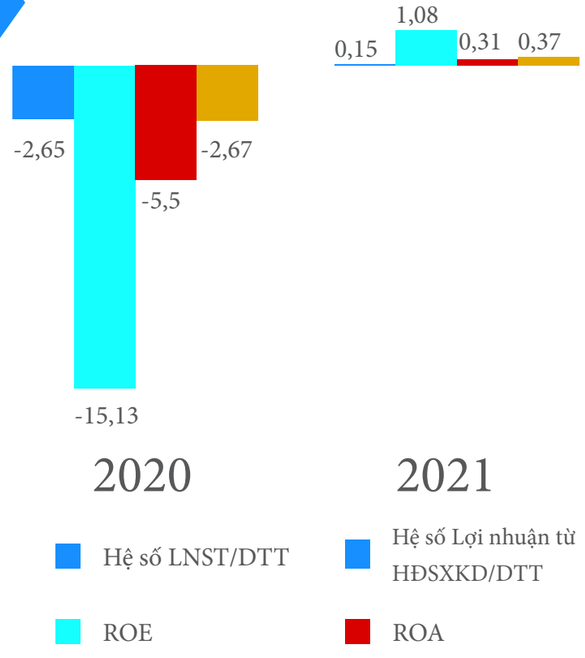

TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thông tin cổ phiếu:

Tổng số cổ phiếu đã phát hành : 12.000.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 12.000.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ : 0 cổ phiếu

Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông
Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU: Không thay đổi

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ : Không

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC : Không

Cơ cấu cổ đông:

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	230	11.996.800	119.968.000.000	99,97%
1	Cá nhân	223	4.962.273	49.622.730.000	41,35%
2	Tổ chức	7	7.034.527	70.345.270.000	58,62%
II	Cổ đông nước ngoài	2	3.200	32.000.000	0,03%
1	Cá nhân	2	3.200	32.000.000	0,03%
2	Tổ chức		0	0	0,00%
	Tổng cộng	**232**	**12.000.000**	**120.000.000.000**	**100,00%**

TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

Trách nhiệm với người lao động

Với sự tăng trưởng trong năm qua, Seadanang đã tạo điều kiện về công ăn, việc làm cho đội ngũ CB – CNV. Công ty đã thực hiện đầy đủ các chính sách về lương thưởng, phúc lợi theo đúng quy định của pháp luật và cam kết đối với người lao động. Bên cạnh đó, Công ty cũng chủ động điều chỉnh các chính sách về lương thưởng, phúc lợi, giờ làm để khuyến khích người lao động.

Trong tương lai, Công ty sẽ tiếp tục theo đuổi chính sách này, thực hiện đầy đủ các chính sách và có sự cam kết lâu dài với người lao động, tiếp tục duy trì sự phát triển bền vững của Công ty, đồng thời góp phần cùng thúc đẩy kinh tế đất nước và nâng cao đời sống người lao động.

Trách nhiệm đối với môi trường

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, nhận thức về môi trường ngày càng phát triển, các đối tác và người tiêu dùng bắt đầu quan tâm nhiều hơn tới các sản phẩm xanh, thân thiện với môi trường. Thấu hiểu được điều đó, SPD luôn tiên phong nguồn thủy sản sạch, đổi mới bao bì thân thiện môi trường, sử dụng công nghệ tiên tiến hạn chế khí thải, ưu tiên công nghệ xử lý nước thải,…

Trách nhiệm với cộng đồng

Seadanang hiểu rằng sự hiện diện của Công ty sẽ có những ảnh hưởng nhất định đến tình hình kinh tế, môi trường và xã hội tại địa phương nói riêng và cả nước nói chung. Do vậy, ngoài mục tiêu về hoạt động kinh doanh, SPD cũng quan tâm đến các vấn đề về đời sống người dân địa phương, bảo vệ môi trường, … từ đó tạo nên những giá trị cuộc sống trọn vẹn hơn thông qua các chương trình hỗ trợ, phát triển cộng đồng.

Công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 tại nơi làm việc

Năm 2021, Công ty đã chủ trương "an toàn dịch bệnh trong sản xuất – sản xuất phải an toàn" nên cũng tạo được sự yên tâm cho CB – CNV, mỗi người đều cố gắng tuân thủ tốt nhất sự tổ chức sản xuất trong điều kiện dịch bệnh của Công ty, chấp hành sự bố trí lao động ở những điều kiện không thể như bình thường. Công ty cũng đã chuẩn bị điều kiện và có thực hiện "3 tại chỗ", xét nghiệm vẫn được duy trì thường xuyên để phát hiện F0… Chính vì vậy, người lao động luôn cảm thấy Công ty có sự quan tâm, không bỏ rơi người lao động khi ốm đau, hoạn nạn, đồng nghiệp có sự chia sẻ, nên càng có sự tin tưởng và gắn bó hơn.

Trách nhiệm về chất lượng sản phẩm

Hiện nay thị trường xuất – nhập khẩu thủy sản đang có sự cạnh tranh gắt gao, đồng thời các thị trường xuất khẩu cũng ngày càng nâng cao tiêu chuẩn về chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm. Do vậy, việc nâng cao chất lượng thực phẩm là một trong những điều kiện tiên quyết để các doanh nghiệp ngành sản xuất, chế biến thực phẩm có thể cạnh tranh và phát triển bền vững. Điều đó được thể hiện qua rất nhiều khía cạnh như: chất lượng nguồn nguyên liệu, vệ sinh an toàn thực phẩm trong sản xuất,… Đây là cả một quá trình cho đến khi sản phẩm đến tay khách hàng, khi một trong những yếu tố này không đạt yêu cầu sẽ ảnh hưởng đến chất lượng chung của sản phẩm. Hiểu được điều đó, Công ty đã áp dụng các biện pháp kiểm soát, tiêu chuẩn và hệ thống quản lý nghiêm ngặt để đảm bảo vấn đề an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc.

03 | BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả HĐSXKD
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu, chính sách
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

ĐÁNH GIÁ VỀ TÌNH HÌNH CHUNG CỦA NỀN KINH TẾ

Kết thúc năm 2021, GDP Việt Nam đạt mức tăng trưởng 2,6%, thấp hơn nhiều so với dự báo của các tổ chức kinh tế lớn trên thế giới. Giãn cách xã hội kéo dài trong quý III/2021 tại các thành phố lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và các vùng lân cận đã khiến nền kinh tế bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Tổng sản phẩm trong nước giảm 6,2% so với cùng kỳ - mức giảm sâu nhất kể từ trước tới nay. Trong những tháng cuối năm, các địa phương đã đẩy nhanh tiến độ tiêm vaccine và dần chuyển sang trạng thái "bình thường mới", đẩy mạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh. GDP quý IV/2021 đã có sự phục hồi ấn tượng, tăng 5,2% so với cùng kỳ.

6 tháng đầu năm 2021, hoạt động xuất khẩu thủy sản của Việt Nam phục hồi nhờ nhu cầu tiêu thụ tại kênh nhà hàng, khách sạn, … ở các thị trường xuất khẩu tăng trưởng tích cực sau giai đoạn bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh COVID-19. Tuy nhiên, đến quý III/2021, khi hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp thủy sản gặp gián đoạn bởi tình hình dịch bệnh COVID-19 diễn biến nghiêm trọng trong nước, giá trị xuất khẩu thủy sản trong quý III/2021 chỉ đạt 2,1 tỷ USD, giảm 15% so với cùng kỳ.

Seadanang cũng không nằm ngoài vòng xoáy của dịch bệnh, năm 2021 - Công ty phải dừng sản xuất gần 1,5 tháng, có đến 76 F0 – 292 F1 – 96 F2 – 148 người trong các khu phong toả, 180 người là các F liên quan, tổng số ngày cách ly tương ứng là 5.600 ngày, chi phí của Công ty từ ảnh hưởng của dịch bệnh lên đến hơn 6,212 tỷ đồng trong năm 2021… Do vậy, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong quý III/2021 bị ảnh hưởng không nhỏ, khiến doanh thu quý III/2021 giảm 12% so với cùng kỳ. Nhưng những tháng cuối năm đã có những bước phục hồi đáng kể và đạt được những thành tựu nhất định. Công ty nằm trong Top 30 doanh nghiệp xuất khẩu Tôm thẻ chân trắng của Việt Nam trong 3 năm 2019 – 2021 và Top 10 doanh nghiệp xuất khẩu Tôm vào thị trường Nhật (2019 - 2021), đặc biệt Seadanang giữ vị trí thứ 3 trong năm 2021.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2021	TH 2021	TH 2020	% TH/KH 2021	% TH 2021/2020
1- Tổng doanh thu	Tỷ đồng	830,00	864,85	714,27	104,20%	121,08%
2- Kim ngạch XNK	Triệu USD	33,34	35,18	28,78	105,52%	122,24%
Xuất khẩu	Triệu USD	33,34	35,18	28,78	105,52%	122,24%
Sản xuất - Xuất khẩu		33,34	35,18	28,78	105,52%	122,24%
Kinh doanh vật tư		-	-	0,00	-	-
Kim ngạch nhập khẩu vật tư -CN HCM	Triệu USD	-	-	0,00	-	-
Doanh số CNHCM	Tỷ đồng	2,20	1,04	0,00	47,27%	-
3- SXKD thức ăn nuôi thủy sản		-	-	-	-	-
Doanh thu	Tỷ đồng	24,86	19,09	17,48	76,79%	109,21%
Sản lượng	Tấn	2.047,00	1.781,57	1.576,73	87,03%	112,99%
4- Doanh thu KD Kho vận, cho thuê nhà	Tỷ đồng	13,28	14,14	15,37	106,48%	92,00%
Chi nhánh HCM	Tỷ đồng	1,58	1,28	1,74	81,01%	73,56%
Ban DV Kho vận ĐN	Tỷ đồng	10,50	10,68	10,66	101,71%	100,19%
Khác	Tỷ đồng	1,20	2,18	2,97	181,67%	73,40%

Tình hình dịch bệnh kéo dài trong quý III/2021 đã gây ra nhiều khó khăn đối hoạt động kinh doanh của Công ty. Dẫu vậy, với những chỉ đạo của Ban lãnh đạo và sự phục hồi của nền kinh tế vào những tháng cuối năm đã giúp Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn. Theo đó, doanh thu của SPD đạt 864,85 tỷ đồng, vượt 4,2% kế hoạch đề ra (830 tỷ đồng) và đạt 121,08% so với năm 2020. Bên cạnh đó, tỷ trọng doanh thu thủy sản trên cơ cấu doanh thu vẫn chiếm tỷ trọng cao (hơn 96%) đã cho thấy Công ty ngày càng tập trung cho hoạt động mũi nhọn là chế biến thủy sản.

Từ năm 2019 thì SPD đã có chủ trương dừng việc kinh doanh vật tư và vào tháng 11/2021, Công ty đã quyết định dừng hoạt động tại Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh nên doanh số của lĩnh vực này trong năm chỉ đạt 1,038 tỷ đồng.

Nhìn chung, hầu hết các hoạt động chính của Công ty như doanh thu, kim ngạch XNK đều vượt kế hoạch đề ra. Cụ thể, kim ngạch XNK của SPD trong năm 2021 đạt 35,18 triệu USD, vượt 5,52% kế hoạch đề ra, đạt 122,24% so với cùng kỳ năm ngoái. Doanh thu kinh doanh kho vận đạt 14,14 tỷ đồng, vượt 6,48% kế hoạch.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% 2021/ 2020	Tỷ trọng năm 2020	Tỷ trọng năm 2021
Tài sản ngắn hạn	274.205	356.995	130,19%	77,00%	78,87%
Tài sản dài hạn	81.910	95.648	116,77%	23,00%	21,13%
Tổng tài sản	356.115	452.643	127,11%	100,00%	100,00%

Tổng tài sản đến cuối năm 2021 của Công ty đạt hơn 452,643 tỷ đồng, tăng 27,11% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn tăng lần lượt 30,19% và 16,77% so với năm 2020.

Tài sản ngắn hạn của Công ty tăng mạnh trong năm 2021. Do đặc thù kinh doanh của SPD nên khoản mục hàng tồn kho của Công ty luôn chiếm mức tỷ trọng cao trong tài sản ngắn hạn (Chiếm hơn 48%). Do tình hình dịch bệnh và các biện pháp giãn cách xã hội đã khiến một số đơn hàng của Công ty bị hoãn khiến khoản mục hàng tồn kho tăng cao, nhất là trong quý III/2021. Tuy nhiên, tình hình dịch bệnh đã dần được kiểm soát và nhu cầu tiêu thụ tăng cao do các kênh Food service đã hoạt động trở lại, nên tình trạng thành phẩm, nguyên vật liệu tồn kho sẽ được giải quyết trong tương lai. Ngoài ra, ngày 22/11/2021, SPD đã cho dừng hoạt động chi nhánh tại Tp. HCM nên khoản mục khoản thu ngắn hạn có mức tăng đột biến.

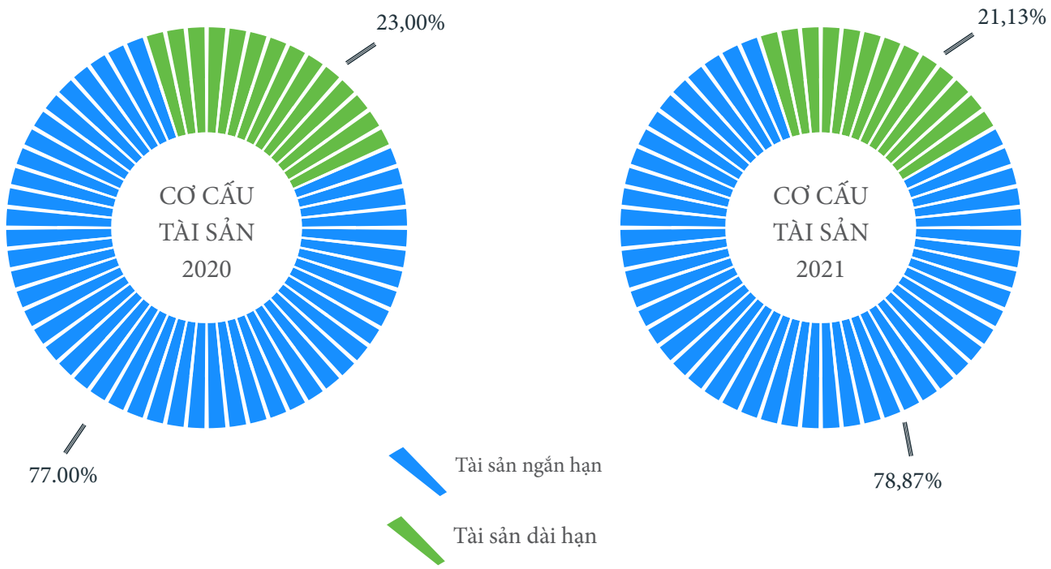

Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	%2021/2020	Tỷ trọng năm 2020	Tỷ trọng năm 2021
Nợ ngắn hạn	233.198	323.055	138,53%	96,46%	95,85%
Nợ dài hạn	8.552	13.979	163,46%	3,54%	4,15%
Tổng nợ phải trả	241.750	337.034	139,41%	100,00%	100,00%

Nhìn chung về cơ cấu nợ của SPD không có quá nhiều thay đổi khi nợ ngắn hạn của Công ty vẫn chiếm 95,85% tổng nợ. Năm 2021 ghi nhận tổng nợ của Công ty đạt 337.034 tỷ đồng, tăng 39,41% so với năm 2020. Trong đó, nợ ngắn hạn và nợ dài hạn lần lượt tăng 38,53% và 63,46% so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, nợ ngắn hạn của tăng chủ yếu là do khoản mục phải trả ngắn hạn khác tăng đột biến, tăng hơn 131 tỷ đồng. Bên cạnh đó, trong năm SPD cũng thanh toán một số khoản nợ ngắn hạn khiến khoản mục vay và nợ thuê tài chính giảm 21,81% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong khi đó, nợ dài hạn cũng tăng 63,46%, đạt hơn 13.97 tỷ đồng.

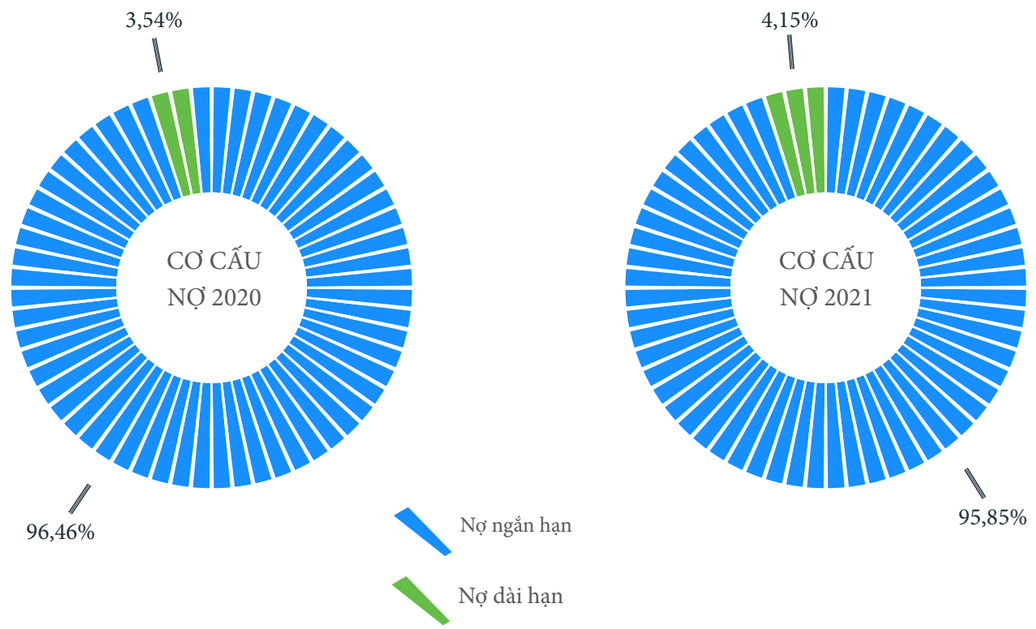

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm 2021, Seadanang tiếp tục thực hiện những chính sách cải tiến cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý. Các phân xưởng, phòng ban quản lý được quyền ra quyết định trong phạm vi quyền hạn quy định. Mô hình này giúp Ban lãnh đạo quản lý tốt hơn về mặt nhân sự, tạo động lực cho cấp dưới và khuyến khích các cấp quản lý phát huy sáng tạo.

Chính sách người lao động tiếp tục là một trong những chính sách trọng tâm của Công ty. Người lao động có chuyên môn cao, được đánh giá tốt cả về kết quả công việc và phẩm chất sẽ được Công ty khuyến khích, tạo điều kiện để phát huy khả năng tại Công ty. Chính sách tài chính, chính sách bán hàng, chính sách nguồn cung ứng, chính sách thưởng/phạt v.v…được thay đổi để phù hợp với tình hình của từng giai đoạn.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Để hoàn thành được những chỉ tiêu đề ra, Ban lãnh đạo đã đặt ra một số định hướng hoạt động cho năm 2022, theo đó:

- SPD sẽ không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm đồng thời tiến hành nghiên cứu thị trường mới để đa dạng hóa sản phẩm nhằm đáp ứng đủ điều kiện và nhu cầu tại các thị trường khó tính.
- Tăng thêm tỷ trọng tại thị trường Châu Âu.
- Linh hoạt trong việc khai thác, thu thập nguồn nguyên liệu để đáp ứng các đơn hàng về cả chất lượng và số lượng.
- Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị, nhà xưởng, thiết bị cấp đông nhằm nâng cao hoạt động sản xuất kinh doanh và chất lượng sản phẩm từ đó giúp nâng cao uy tín hàng hóa của Công ty.
- Xây dựng, đào tạo đội ngũ nhân sự có chuyên môn và chuyên nghiệp trong công việc.
- Trong năm tiếp theo, các biện pháp nới lỏng giãn cách xã hội sẽ dần được thực hiện, theo đó, nhu cầu tiêu thụ tại các kênh Food Service (Nhà hàng, quán ăn, …) sẽ tăng cao.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Việt Nam là một trong những nước chịu tác động mạnh mẽ của biến đổi khí hậu. Vì vậy bảo vệ môi trường là nghĩa vụ, mục tiêu quan trọng không chỉ với Chính phủ mà còn với cả các cá nhân. Do vậy, SPD cam kết tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường. Các công tác phòng ngừa, ngăn chặn các sự cố môi trường luôn được Công ty chú trọng.

Bên cạnh đó, ảnh hưởng của ngành chế biến thủy sản đến môi trường không chỉ phụ thuộc vào loại hình chế biến, mà còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố như quy mô sản xuất, sản phẩm, nguyên liệu đầu vào, mùa vụ, trình độ công nghệ sản xuất, trình độ tổ chức quản lý sản xuất… Chế biến thủy sản nếu không được xử lý thích hợp sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường như ô nhiễm không khí, ô nhiễm nguồn nước, … Do vậy Công ty đã thực hiện một số giải pháp nhằm hạn chế tối đa những tác động tiêu cực đến môi trường.

- Không gian xanh: Đảm bảo diện tích cây xanh đạt tiêu chuẩn quy định để tạo sự thoáng mát, cải thiện điều kiện khí hậu, ngăn bụi phát tán và giảm thiểu tiếng ồn phát sinh.
- Nước thải: Công ty có hệ thống xử lý nước thải công suất 1.000 m3/ ngày đêm, chất lượng nước thải đạt tiêu chuẩn QCVN 11:2015/BTNMT.
- Chất thải rắn và rác sinh hoạt: Seadanang bố trí thùng chứa rác và kho chứa rác thải hợp lý, tránh phát sinh mùi ảnh hưởng đến mọi hoạt động trong Công ty và khu vực xung quanh, Công ty có hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý đầy đủ nhất.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Để Công ty có thể hoạt động một cách lâu dài và bền vững, SPD luôn chú trọng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực một cách toàn diện. Ngoài ra, Công ty cũng luôn tạo điều kiện, cơ hội để nhân viên thể hiện, khẳng định bản thân để có thể tìm được cho mình một định hướng nghề nghiệp phù hợp.

SPD luôn thực hiện đầy đủ, đảm bảo về phương tiện, công cụ cho người lao động, thường xuyên nhắc nhở công tác An toàn, Vệ sinh lao động. Bên cạnh đó, Công ty cũng quan tâm đến cả đời sống vật chất và tinh thần của CB – CNV thông qua việc thường xuyên điều chỉnh, cải tiến cả về việc làm lẫn thu nhập, điều chỉnh chính sách lương thưởng, phúc lợi, điều chỉnh giờ làm.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Nhận thức được rằng cộng đồng là nền tảng cho sự phát triển của doanh nghiệp. Do vậy Ban lãnh đạo Công ty luôn chủ động, thực hiện nghiêm túc các trách nhiệm xã hội trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. SPD cam kết sẽ thực hiện những hoạt động thiết thực, có ý nghĩa để đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng.

04 | BÁO CÁO CỦA HĐQT

- Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
- Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CHUNG

Sau năm 2020 nhiều mất mát, thế giới bước vào năm 2021 với kỳ vọng vaccine Covid-19 sẽ được phổ biến và các nền kinh tế sẽ bật dậy mạnh mẽ… Tuy nhiên, sự thật lại là thế giới ngày càng đứt gãy, bất ổn và mong manh. Các biến chủng lần lượt xuất hiện, từ Delta đến Omicron đã làm đảo lộn tất cả, Covid-19 vẫn còn tiếp tục chi phối và đặt ra những thách thức mới - từ lạm phát đến gián đoạn chuỗi cung ứng… Ở Việt Nam, Covid-19 tạo ra những con số kỷ lục, nhưng theo cách không ai mong muốn: hơn 1,7 triệu người trong độ tuổi lao động thất nghiệp trong quý III/2021, tỷ lệ thất nghiệp cao nhất trong một thập kỷ qua và vượt xa tỷ lệ thất nghiệp trong những giai đoạn khó khăn khác của nền kinh tế; 18,9 triệu người bị giảm thu nhập, gần 120.000 doanh nghiệp rời khỏi thị trường… Mặc dù dịch Covid ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất và xuất khẩu, nhất là vào giai đoạn quý III/2021 khiến cộng đồng doanh nghiệp thuỷ sản vô cùng lo lắng, nhưng thật may mắn, thuỷ sản Việt Nam đã lội ngược dòng trong những tháng cuối năm đưa kết quả cả năm 2021 vượt trên mong đợi với trên 8,89 tỷ USD, tăng 5,7% so với năm 2020, trong đó, xuất khẩu tôm đạt 3,88 tỷ USD, tăng 4%.

Công ty đã có một năm nỗ lực làm việc để vượt qua khó khăn, đảm bảo kế hoạch sản xuất xuất khẩu cũng như kiểm soát dịch bệnh để sản xuất phải an toàn – an toàn mới sản xuất, kết quả kim ngạch xuất khẩu vượt 5,51% kế hoạch năm 2021 và tăng 22,22% so với năm 2020.

CHẾ BIẾN - XUẤT KHẨU THỦY SẢN

Thông tin từ Báo cáo đánh giá tình hình xuất khẩu thuỷ sản Việt nam 05 năm qua, diện tích nuôi tôm tăng trung bình 1,5% mỗi năm nhưng sản lượng tôm nuôi tăng trung bình 10% (nhờ tăng được năng suất), trong đó sản lượng tôm chân trắng tăng trung bình 13% mỗi năm; Xuất khẩu tôm tăng trưởng trung bình năm là 5% (tốc độ tăng trưởng từng năm không ổn định, theo đó, tăng mạnh nhất vào năm 2017 với mức tăng 22,3%) – Theo Vasep.

Năm	SLXK (Tấn)	Kim ngạch XK (Triệu USD)	% So với năm trước (Về KNXK)
2016	2,804.38	23.87	
2017	3,499.72	33.01	143.40
2018	3,349.49	28.46	86.22
2019	3,311.51	26.31	92.45
2020	3,918.95	28.78	109.39
2021	4,738.81	35.18	122.23

Nhìn lại số liệu xuất khẩu 05 năm qua của Công ty cho thấy kim ngạch xuất khẩu bình quân 5 năm (2017-2021) là 30,35 triệu USD/năm, tăng trưởng bình quân năm so với 2016 là 27,14%. Như vậy, sự tăng trưởng trong hoạt động chế biến - xuất khẩu thuỷ sản của Công ty có mức tăng trưởng tốt hơn mức trung bình của ngành.

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH KHO VẬN

Năm 2021, đơn vị kinh doanh dịch vụ Kho vận có doanh số 10,68 tỷ đồng, tăng so với kế hoạch và so với cùng kỳ năm trước; lợi nhuận đạt 2,58 tỷ đồng, vượt 29% kế hoạch và tăng 18% so với cùng kỳ. Hoạt động kinh doanh Kho vận vẫn duy trì tốt, thực hiện chứa hàng dự trữ của Công ty khá nhiều.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY PHÁT TRIỂN NGUỒN LỢI THỦY SẢN

Hoạt động SX-KD thức ăn nuôi thủy sản có rất nhiều cố gắng trong năm 2021 dù dịch bệnh bùng phát mạnh, đứt gãy chuỗi lưu thông hàng hoá, chính sách chống dịch ở từng địa phương khác nhau… Đơn vị đã vẫn tổ chức làm việc 3 tại chỗ, khắc phục khó khăn để sản xuất được duy trì, ý thức người lao động rất tốt – sẵn sàng kiêm nhiệm nhiều việc trong khi lao động thiếu do cách ly, phong toả (tổng nhân sự đơn vị chỉ có 25 người). Doanh thu thực hiện 2021 của đơn vị đạt 78% kế hoạch, nhưng tăng 11% so với năm trước, lợi nhuận đạt 79% kế hoạch so với năm 2020 không có lãi.

HOẠT ĐỘNG CỦA CHI NHÁNH TP HỒ CHÍ MINH

Chi nhánh Công ty tại Tp. Hồ Chí Minh đã nhiều năm không còn hoạt động kinh doanh vật tư, chỉ còn hoạt động cho thuê văn phòng (toàn bộ), nhân sự cũng chỉ còn 01 người nên Hội đồng quản trị Công ty đã quyết định dừng hoạt động của Chi nhánh tại nghị quyết số 10/2021/NQHĐQT ngày 22/11/2021, hiện nay Công ty đang tiến hành các thủ tục cần thiết với các cơ quan hữu quan.

Các hoạt động kinh doanh và số liệu chi nhánh được hạch toán chuyển về Công ty, trong đó có 2 khoản công nợ của Chi nhánh đã đến lúc dự phòng (các công nợ đều đang được thi hành án, có thu tiền nhưng chậm) là DNTN DV XNK Hợp Thành Công và Công ty TNHH TM Tân Vinh Thái, năm 2021 Công ty phải thực hiện dự phòng 50%.

Với mức dự phòng trên, cùng với sụt giảm doanh số do giảm giá cho thuê – hỗ trợ bên thuê gặp nhiều khó khăn trong dịch bệnh bùng phát mạnh năm 2021, nên Chi nhánh Tp HCM có kết quả lỗ trong năm 2021.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG DỊCH COVID - 19

Năm 2021, chi phí của Công ty từ ảnh hưởng của dịch bệnh lên đến hơn 6,212 tỷ đồng trong năm 2021 - thực sự là một hình ảnh đáng "kinh hoàng" không chỉ về mặt con số mà đã ảnh hưởng không nhỏ đến tâm lý của CBCNV Công ty trong năm qua.

Năm 2021, Công ty đã chủ trương "an toàn dịch bệnh trong sản xuất – sản xuất phải an toàn" nên cũng tạo được sự yên tâm cho người lao động, mỗi người đều cố gắng tuân thủ tốt nhất sự tổ chức sản xuất trong điều kiện có dịch bệnh của Công ty, chấp hành sự bố trí lao động ở những điều kiện không thể như bình thường.

Công ty cũng đã chuẩn bị điều kiện và có thực hiện "3 tại chỗ", xét nghiệm vẫn được duy trì thường xuyên để phát hiện F0…. Chính vì vậy, người lao động luôn cảm thấy Công ty có sự quan tâm, không bỏ rơi người lao động khi ốm đau, hoạn nạn, đồng nghiệp có sự chia sẻ, nên càng có sự tin tưởng và gắn bó hơn.

DỰ ÁN ĐẦU TƯ HOÀN THÀNH TRONG NĂM 2021

Trong năm 2021, Công ty đã hoàn thành các dự án đầu tư:

- Mở rộng mặt bằng Nhà máy chế biến thủy đặc sản (DL10) (Theo nghị quyết số 15C/2020/NQ-HĐQT ngày 23/10/2020 của Hội đồng quản trị);
- Đầu tư 01 Dàn Ngưng 450KW đảm bảo hoạt động kho lạnh 1500 tấn (Theo nghị quyết HĐQT số 12/2020/NQ-HĐQT ngày 31/07/2020 của Hội đồng quản trị);
- Đầu tư IQF công suất 500kg/h cho tôm tẩm bột (đã có Báo cáo kiểm toán hoàn thành), đầu tư máy nén (đã có Báo cáo kiểm toán hoàn thành) và nâng cấp hệ thống lạnh của Công ty (Theo nghị quyết số 01A/2021/NQ-HĐQT ngày 27/02/2021 của Hội đồng quản trị).

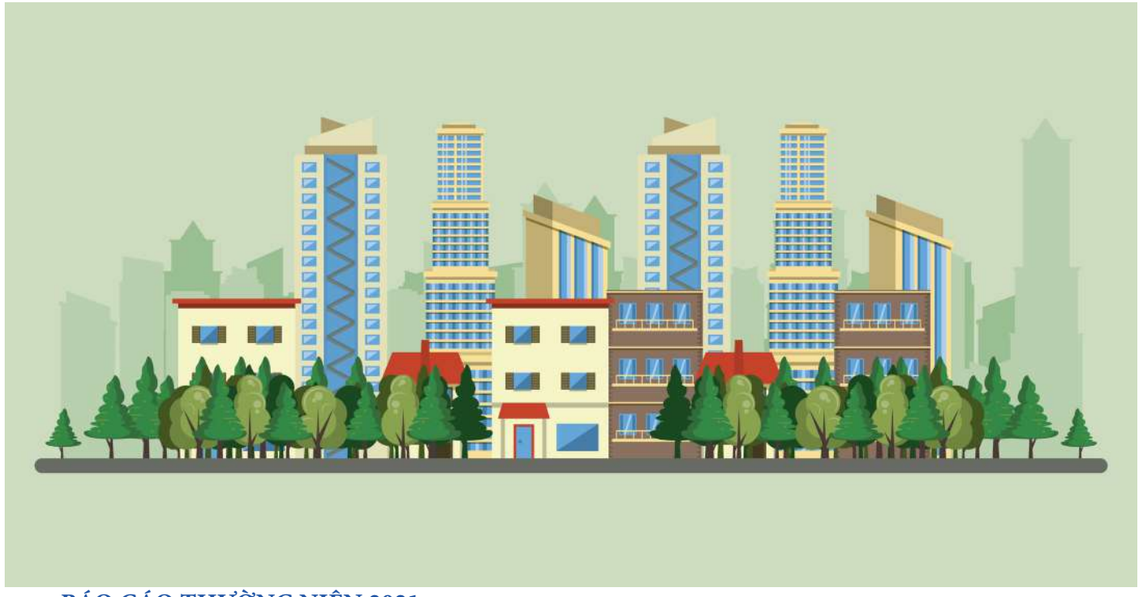

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN TẠI CÔNG TY

Đến 31/12/2021, số liệu đầu tư tài chính dài hạn của Công ty gồm:

- Tại NCS: Công ty nắm giữ 1.836.557 cổ phần (Sau khi giảm vốn tại NCS theo nghị quyết số 16A/2020/NQ-HĐQT ngày 18/12/2020 về việc không tiếp tục góp vốn vào NCS bằng tài sản trên đất tại địa chỉ 31 Ngũ Hành Sơn, Tp Đà Nẵng).
- Tại LHG : Công ty nắm giữ 137.910 cổ phần.

Tại NCS có các diễn biến sau:

- Ngày 08/01/2021 Công ty đã nộp "Yêu cầu phản tố" và "Yêu cầu độc lập" theo vụ việc Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án Nhân dân thành phố Đà Nẵng số 11/TB-TLVA ký ngày 17/11/2020 về việc "Tranh chấp giữa các thành viên Công ty với nhau về công nhận việc góp vốn và tiếp tục thực hiện việc góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư góp vốn" giữa Công ty Cổ phần Bất động sản New City (nguyên đơn), Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung (bị đơn) và Công ty Cổ phần Đầu tư New City Seadanang (người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan).
- Vụ việc Toà án giải quyết trong năm 2021 có diễn biến chậm do ảnh hưởng dịch bệnh, đến ngày 17/11/2021, Toà án Nhân dân Thành phố Đà Nẵng đã có thông báo số 614/TB-TL về việc "thụ lý yêu cầu phản tố" và số 615/TB-TL về việc "thụ lý yêu cầu độc lập" của Công ty CP XNK Thuỷ sản Miền Trung. Đến nay chưa có diễn biến mới.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có 02 thành viên (01 Tổng Giám đốc và 01 Phó Tổng Giám đốc). Các thành viên Ban Tổng Giám đốc là những người được đào tạo, có trình độ học vấn từ bậc đại học trở lên, có đạo đức tốt, gắn bó với Công ty nhiều năm, trải qua nhiều vị trí quản lý trong Công ty, nên có kinh nghiệm về ngành nghề.

Với tinh thần chủ động và vượt khó, cùng với việc quay vòng vốn nhanh, Ban điều hành Công ty đã linh động sử dụng các hình thức vay vốn để đảm bảo đáp ứng nhu cầu vốn tăng lên của Công ty trong thời gian qua, bao gồm cả thời gian Công ty phải dừng sản xuất do dịch bệnh nên không có doanh thu, nợ vay của Công ty dù ở mức cao và luôn trong tình trạng căng thẳng về hạn mức, nhưng việc trả nợ luôn đảm bảo, uy tín của Công ty với các ngân hàng được củng cố hơn.

Quan hệ khách hàng của Công ty luôn được Ban điều hành chú trọng, xây dựng trên nền tảng uy tín đối với cả nhà cung cấp và khách hàng đầu ra nên Công ty đã nhận được sự hỗ trợ phù hợp trong những lúc khó khăn. Khách hàng đã đặt niềm tin vào Seadanang nhiều hơn, đồng nghĩa Công ty có cơ hội nhiều hơn. Bên cạnh đó, quan hệ của Công ty với các cơ quan hữu quan đều được xây dựng tốt đẹp.

Quan hệ nội bộ Công ty luôn được chú trọng xây dựng trên nền tảng tập trung vào công việc chung, ý thức xây dựng văn hoá Công ty tốt hơn, chia sẻ, học hỏi lẫn nhau và cùng nhau phát triển. Nề nếp sinh hoạt trong Công ty được duy trì tốt, tính kỷ luật luôn được củng cố.

Công ăn việc làm của người lao động được đảm bảo, đời sống tinh thần của người lao động dù căng thẳng bởi dịch bệnh nhưng ấm áp vì được quan tâm, hỗ trợ đúng lúc, kịp thời, nên người lao động đã có niềm tự hào về Công ty.

Năm 2021 là năm hết sức khó khăn nhưng Ban điều hành đã nỗ lực, đoàn kết, thực hiện song song việc sản xuất và phòng chống dịch bệnh, tuân thủ nghiêm túc chủ trương của Hội đồng quản trị, mặc dù kết quả cuối cùng chưa thể hiện được như mong đợi. Hội đồng quản trị ghi nhận nỗ lực của Tổng Giám đốc và Ban điều hành Công ty.

ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH THỦY SẢN 2021

CƠ HỘI

Hầu như các nước trên thế giới đều kích thích phát triển kinh tế, đã kích hoạt nhiều gói hỗ trợ, giải ngân các quỹ khôi phục sản xuất nhằm xây dựng lại các chuỗi cung ứng hàng hóa. Tình trạng khan hiếm hàng hóa xảy ra bởi nhiều nhà cung cấp đang phải chống chọi với dịch COVID 19, cộng với áp lực về giá cước vận tải biển tăng cao trong khi nhu cầu tiêu dùng sau những đợt đại dịch bùng phát tăng cao...

- Sau khi suy giảm mạnh trong năm 2020-2021, kinh tế thế giới đang trên đà hồi phục và được dự báo trở lại bình thường ngay từ năm 2022.
- 05 thị trường nhập khẩu Tôm lớn nhất của Việt Nam lần lượt là Mỹ - Nhật – EU – Trung Quốc – Hàn Quốc đều có nhu cầu lớn trở lại từ cuối năm 2021, thị trường xuất khẩu tôm nhìn chung đang khá thuận lợi. Hầu hết các thị trường chính của tôm Việt Nam đang trên đà phục hồi nhờ tiêm ngừa vaccine diện rộng và triển khai các gói hỗ trợ sau Covid-19. Lĩnh vực dịch vụ, nhà hàng, khách sạn, du lịch… đang từng bước được mở cửa trở lại ở nhiều thị trường. Vì vậy, mảng dịch vụ thực phẩm sẽ tăng, thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ thủy sản nói chung, tôm nói riêng ở các hệ thống, chuỗi dịch vụ thực phẩm…
- Do tác động của dịch Covid-19, người tiêu dùng ở nhiều thị trường vẫn tăng xu hướng ưa chuộng thực phẩm chế biến sâu, tích hợp nhiều tiện ích, thuận lợi trong việc chế biến món ăn nhanh nhất. Chế biến sâu lại là lợi thế cạnh tranh của ngành tôm Việt Nam với nhiều nhà máy có hệ thống trang thiết bị hiện đại, đảm bảo các yêu cầu cao về an toàn thực phẩm và đội ngũ công nhân lành nghề. Đi vào phân khúc sản phẩm tôm chế biến sâu, ngành tôm Việt Nam sẽ tránh được sự cạnh tranh đang ngày càng mạnh mẽ từ Ấn Độ và Ecuador vốn có thế mạnh về tôm xuất khẩu tôm thô hoặc tôm sơ chế nhờ vào nguồn tôm nguyên liệu dồi dào và giá rẻ. Như vậy, nhu cầu của thị trường hiện nay cũng đã tạo điều kiện nhất định cho ngành tôm Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh chế biến sâu, qua đó tiếp tục giữ được thị trường, thị phần của mình ở những thị trường quan trọng.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

THÁCH THỨC

- Sau một năm Hiệp định EVFTA giữa Việt Nam và EU có hiệu lực, XK tôm Việt Nam sang thị trường EU cũng đã ghi nhận những sự tăng trưởng. Tuy nhiên, thị trường EU có những yêu cầu hết sức khắt khe về vệ sinh an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc phải thuận lợi.
- Tôm Việt Nam cạnh tranh trực tiếp với Tôm Ấn Độ, Ecuador, Indonesia, Thailand ở các thị trường. Trong năm nay, trong khi các nhà cung cấp Châu Á cho thị trường EU phải đối mặt với nhiều khó khăn về logistics thì Ecuador lại tận dụng được cơ hội này để tăng xuất khẩu sang EU, Mỹ. Ecuador với lợi thế vị trí địa lý gần với Mỹ, vận chuyển dễ dàng và đang nỗ lực nâng cao trình độ chế biến. Trước đây, Ecuador chỉ bán tôm nguyên con vì không có lao động chế biến, nay Ecuador tăng nhập khẩu lao động nữ từ các nước lân cận để nâng cao trình độ, năng suất chế biến. Về lâu dài, Ecuador đang ngày càng tăng dần lợi thế cạnh tranh.
- Dự báo trong vòng 1 năm nữa, các chuỗi cung ứng mới sẽ đi vào ổn định, việc thâm nhập thị trường EU của các doanh nghiệp mới sẽ khó khăn hơn. Thêm vào đó, nhiều quốc gia khác trong khu vực cũng đã xúc tiến đàm phán hiệp định thương mại tự do với EU để khai thác thị trường nhiều tiềm năng này, áp lực cạnh tranh sẽ gia tăng dần
- Dịch Covid-19, sự thay đổi thời tiết đã ảnh hưởng tới nguồn cung Tôm nguyên liệu ở nhiều nước xuất khẩu hàng đầu, trong đó có Việt Nam. Tại Ấn Độ, nguồn cung tôm cỡ lớn đang rất thiếu và chất lượng con giống đã ảnh hưởng tới quá trình nuôi, nhiều khả năng việc thiếu hụt tôm nguyên liệu ở Ấn Độ còn kéo dài. Nguồn cung tôm trên phạm vi toàn cầu trong 6 tháng tới dự báo giảm, giá tôm sẽ tăng lên, nhất là với tôm cỡ lớn do thiếu hụt nhiều so với nhu cầu.
- Để duy trì được sản xuất trong tình hình dịch bệnh, an toàn là yếu tố hàng đầu, sẽ tốn nhiều công sức, tiền của, chi phí chắc chắn sẽ tăng cao… nhưng lại là cần thiết, chi phí phòng chống dịch đã trở thành định phí của Công ty, và là áp lực lớn với các doanh nghiệp có đông lao động – như ngành thuỷ sản.
- Chi phí năng lượng tăng cao, chi phí lương luôn theo xu hướng tăng, sẽ khiến các chi phí đầu vào khác có cấu thành, liên quan 2 yếu tố trên cũng tăng, trở thành gánh nặng cho doanh nghiệp, ảnh hưởng đến giá thành và sức cạnh tranh của mặt hàng thủy sản Việt Nam với các nước xuất khẩu thủy sản khác.
- Thị trường Nhật vẫn được xem là thị trường tương đối ổn định nhất, mặc dù thị trường này không ràng buộc các doanh nghiệp bằng các chứng nhận về chất lượng cho nuôi trồng, nhưng với sự quan tâm cao về ATTP, nên thị trường Nhật đang có xu hướng ngày càng đặt ra nhiều chỉ tiêu kiểm soát chất lượng với mức dư lượng cho phép thấp nhất trong các thị trường nhập khẩu thủy sản còn lại.

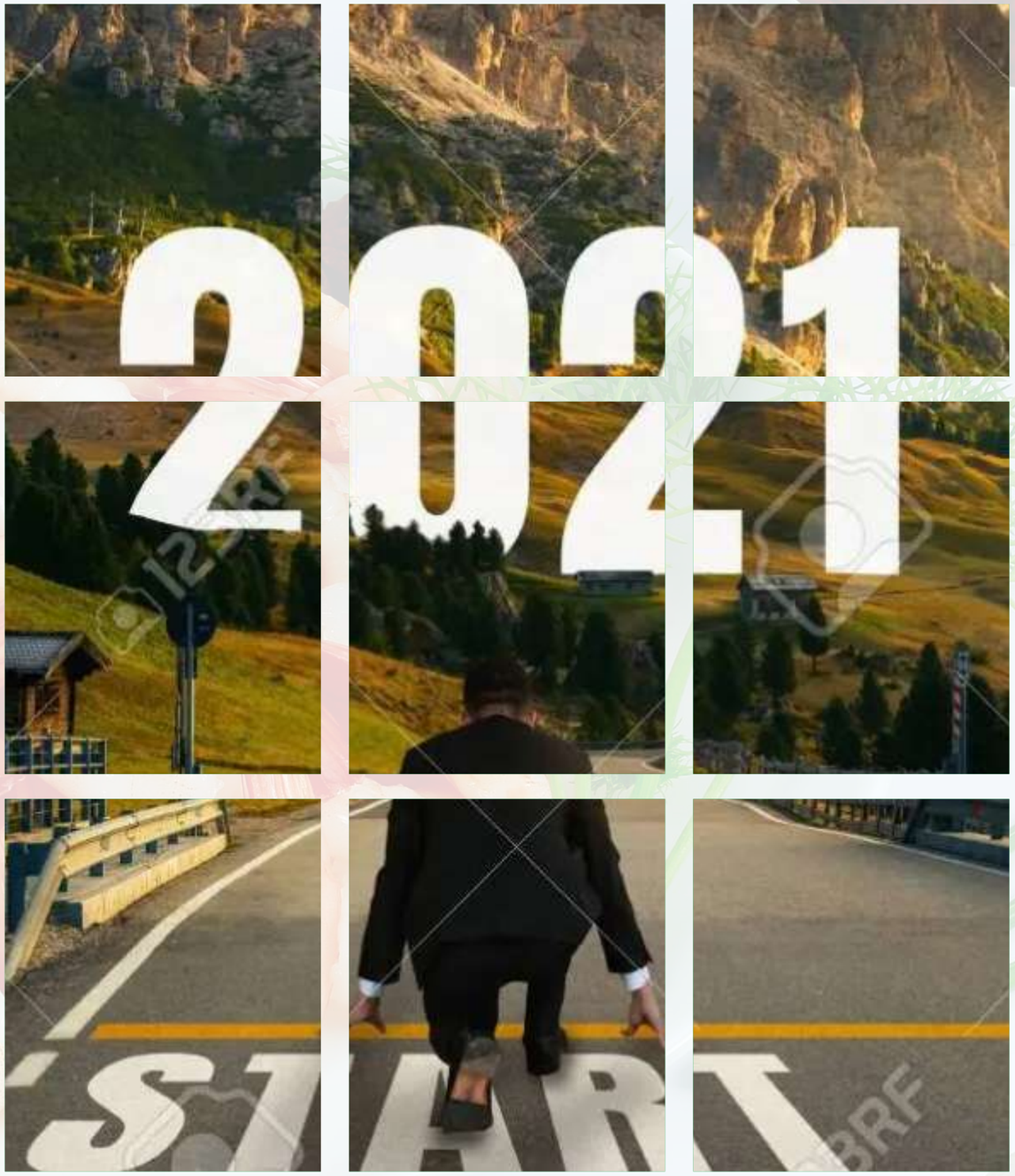

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐIỂM MẠNH

- Chính sách Công ty với người lao động khá tốt, phong phú nên được xem như là có điều kiện giữ chân được người lao động, hỗ trợ tuyển dụng lao động
- Có sự tập trung đầu tư cho sản xuất trong 4 năm qua, hệ thống lạnh được nâng cấp, cải thiện dần các điều kiện mang tính cơ bản
- Công tác quản lý thực hiện hiệu quả, khoa học hơn thông qua các phần mềm triển khai, phát triển từ năm 2020 và Công ty và đã đạt được Tiêu chuẩn BSCI (về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp) hạng B nên có điều kiện vào thị trường EU hơn
- Đội ngũ lãnh đạo tâm huyết, quản lý cấp phòng đa số đều có chuyên môn tốt, nhiệt tình, nhiều CBCNV làm việc lâu năm tại Công ty nên có vốn kinh nghiệm khá với ngành nghề, đã bổ sung đội ngũ trẻ tuổi để đào tạo tiếp nối, kế cận; bộ máy khá ổn định.
- Kiểm soát kháng sinh tốt
- Môi trường nhà máy khang trang hơn
- Khách hàng đánh giá tốt về việc cải tiến điều kiện sản xuất và quản lý của Công ty, mở ra nhiều cơ hội hợp tác mới về chiều rộng và chiều sâu
- Vị trí địa lý tại Miền Trung tạo cho SPD những đặc điểm riêng có đối với nguyên liệu tôm đang là thị hiếu của khách hàng Nhật
- Máy móc thiết bị được bổ sung theo hướng giảm bớt sự lệ thuộc vào sức người và ý thức người lao động, tăng năng lực chế biến, năng lực cấp đông

ĐIỂM YẾU/HẠN CHẾ

- Công ty không có vùng nuôi nên không thể chủ động trong việc xây dựng các giá trị của các chứng nhận như ASC, Global GAP, BAP. Trong khi đó, các chứng nhận luôn được nâng cấp yêu cầu qua từng năm và là điều kiện cần của hàng GTGT vào EU…;
- Kháng sinh vẫn là vấn đề sống còn của các doanh nghiệp xuất khẩu Tôm nói chung, của SPD nói riêng, khi vẫn còn phụ thuộc vào ý thức của nông dân và vùng nuôi thì thiếu sự can thiệp quy hoạch, cũng như kiểm soát sử dụng chất cấm
- Vốn Công ty chủ yếu là vốn vay;
- Các mặt hàng của SPD đa số còn ở dạng chưa mang tính chế biến sâu, năng lực cạnh tranh sản phẩm chính là yếu tố cạnh tranh về giá, nên sẽ yêu cầu ở năng lực quản lý, sự chi tiết, sự linh hoạt thích nghi, và sự năng động trong phát hiện và giải quyết vấn đề nhiều hơn. Mặt hàng tôm tẩm bột đã phát triển được, thời gian tới cần đẩy mạnh năng suất chế biến
- Thị trường Nhật chiếm tỷ trọng rất lớn tại SPD, dù gần đây đã được khách hàng đánh giá tốt và mở ra nhiều cơ hội hợp tác. Mặc dù ý thức cao việc phụ thuộc vào một thị trường là không tốt, nhưng với quy mô nhà máy của Công ty (không lớn), mặt hàng của Công ty vẫn là lựa chọn phù hợp nhất đối với thị trường Nhật, khi EU cần các điều kiện liên quan đến nuôi trồng cao hơn, khi Mỹ đòi hỏi quy mô sản lượng lớn hơn rất nhiều ….
- Xu hướng các chi phí đều tăng, nhất là chi phí lao động
- Các tồn tại về công nợ khá nhiều, khiến chi phí tư vấn pháp lý để giải quyết cũng phát sinh không ít.
- Lĩnh vực kinh doanh vật tư không còn, nhưng sự phát triển của thuỷ sản vẫn chưa đủ mạnh để bù đắp, khiến doanh số 1.000 tỷ đồng trở thành mục tiêu phấn đấu…
- Đất đai tại Công ty (01 Bùi Quốc Hưng, Đà Nẵng) đang được thuê trả tiền hàng năm nên vừa thiếu tính ổn định, vừa hạn chế về mặt tài sản thế chấp.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG

CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 2022

Với các phân tích SWOT như trên, HĐQT cùng Ban điều hành Công ty đã xem xét và thống nhất trình ĐHĐCĐ các chỉ tiêu chính của SXKD năm 2022 như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2021	KH 2022	KH 2022/TH 2021
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	864,14	905,00	104,70
Xuất khẩu	Triệu USD	35,18	37,89	107,70
Khấu hao TSCĐ	Tỷ đồng	9,987	10,50	105,14
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3,31	12,00	362,53

Kế hoạch năm 2022 thực sự cao, áp lực hoàn thành lớn, nhưng với những thành quả mà Công ty đạt được trong năm đã cho thấy toàn thể CB – CNV sẽ phấn đấu hoàn thành những mục tiêu đề ra với các giải pháp sau:

- Đảm bảo hợp đồng đầu ra cho sản xuất liên tục; tăng thêm thận trọng ở thị trường EU;
- Đảm bảo nguồn lực lao động;
- Đầu tư MMTB theo công nghệ hiện đại, năng suất lớn;
- Hoàn thiện điều kiện sản xuất; Cải tiến liên tục trong sản xuất;
- Linh hoạt trong khai thác các nguồn thu mua nguyên liệu để đáp ứng các đơn hàng và nhu cầu dự trữ
- Mục tiêu lớn là sản phẩm chất lượng tốt, phù hợp với yêu cầu của khách hàng;
- Tiếp tục sử dụng giá linh hoạt và phát huy sự quan tâm chăm sóc khách hàng tốt trong hoạt động cho thuê kho lạnh;
- Quay nhanh vòng vốn, thu hồi công nợ.

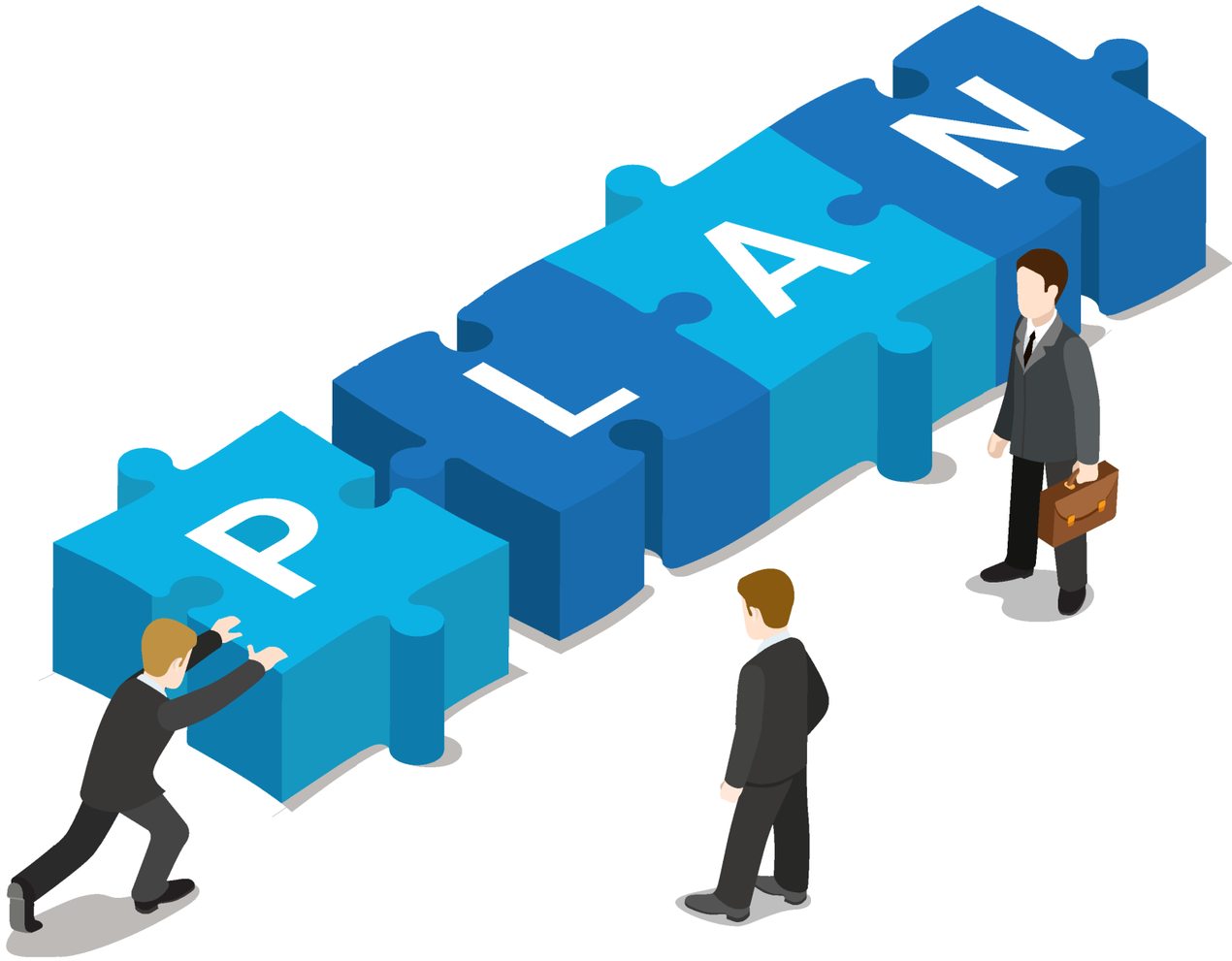

05| BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGĐ và BKS

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC CUỘC HỌP CỦA HĐQT

Năm 2021, Hội đồng quản trị đã tổ chức 11 cuộc họp, ban hành 36 Nghị quyết và 06 Quyết định thông qua nhiều nội dung quan trọng liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Lê Vĩnh Hòa	Chủ tịch HĐQT	11/11	100%
2	Trần Mạnh Hữu	Phó Chủ tịch HĐQT	11/11	100%
3	Lê Mạnh Thường	Thành viên HĐQT	07/11	64%
4	Trần Như Thiên Mỵ	Thành viên HĐQT/Tổng giám đốc	11/11	100%
5	Đỗ Văn Sinh	Thành viên HĐQT	11/11	100%

Các nghị quyết và quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 đã được triển khai thực hiện và hoàn thành đúng nội dung, tiến độ đề ra.

STT	Ngày	Nội dung Nghị quyết
01A/2021/NQ-HĐQT	27/02/2021	Phê duyệt dự án đầu tư IQF cho tôm tẩm bột, máy nén và nâng cấp hệ thống lạnh của Công ty CP XNK Thủy sản Miền Trung – năm 2021
01B/2021/NQ-HĐQT	27/02/2021	Phê duyệt đơn giá lương năm 2021
01/2021/QĐ-HĐQT	27/02/2021	Phê duyệt đơn giá lương năm 2021
02/2021/QĐ-HĐQT	27/02/2021	Phê duyệt đơn giá lương năm 2021 của BĐH
01C/2021/NQ-HĐQT	27/02/2021	Thông qua KH tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
01D/2021/NQ-HĐQT	27/02/2021	Chỉ đạo điều hành của Hội đồng quản trị
02A/2021/NQ-HĐQT	26/03/2021	Thông qua tài liệu dự thảo trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021
02B/2021/NQ-HĐQT	26/03/2021	Thông qua các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021
02C/2021/NQ-HĐQT	26/03/2021	Thông qua Quy chế trả lương của Công ty
02D/2021/NQ-HĐQT	26/03/2021	Thông qua Quy chế công bố thông tin của Công ty
02E/2021/NQ-HĐQT	26/03/2021	Vay vốn để thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021-2022 tại các tổ chức tín dụng
02F/2021/NQ-HĐQT	26/03/2021	Vay vốn để thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021-2022 của Công ty tại VCB – Chi nhánh Đà Nẵng
02G/2021/NQ-HĐQT	26/03/2021	Vay vốn để thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021-2022 của Công ty tại Vietinbank – Chi nhánh Ngũ Hành Sơn
02H/2021/NQ-HĐQT	26/03/2021	Vay vốn để thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021-2022 của Công ty tại VBA– Chi nhánh thành phố Đà Nẵng
02I/2021/NQ-HĐQT	26/03/2021	Vay vốn để thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021-2022 của Công ty tại MSB – Chi nhánh Đà Nẵng
02K/2021/NQ-HĐQT	26/03/2021	Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty Cổ phần XNK Thủy sản Miền Trung nhiệm kỳ 2017 - 2022
03/2021/QĐ-HĐQT	26/03/2021	Bổ nhiệm Bà Trần Như Thiên Mỵ là Người phụ trách quản trị Công ty Cổ phần XNK Thủy sản Miền Trung nhiệm kỳ 2017 - 2022
04/2021/QĐ-HĐQT	26/03/2021	Phê duyệt và ban hành Quy chế trả lương của Công ty
05/2021/QĐ-HĐQT	26/03/2021	Phê duyệt và ban hành Quy chế Công bố thông tin của Công ty
03/2021/NQ-HĐQT	13/04/2021	Vay vốn để thực hiện đầu tư bổ sung tài sản thế chấp là MMTB của Công ty tại MSB– CN Đà Nẵng
04/2021/NQ/HĐQT	19/04/2021	Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 lần thứ 2
05/2021/NQ/HĐQT	11/05/2021	Ký HĐLĐ cho BTGĐ và KTT Công ty
06,07,08/2021/QĐHĐQT	14/05/2021	Nâng bậc lương theo thời hạn quy định cho Ban TGĐ, KTT
06/2021/NQ/HĐQT	20/05/2021	Trả nợ của Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR
07/2021/NQ/HĐQT	02/06/2021	Điều chỉnh chi tiết hạn mức vay của từng ngân hàng cho kỳ kinh doanh năm 2020-2021 của Công ty
08/2021/NQ/HĐQT	04/06/2021	Tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 (triệu tập lần 2)
09/2021/NQ/HĐQT	06/07/2021	Lựa chọn đơn vị Kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021
09/2021/QĐ-HĐQT	08/07/2021	Phân bổ thù lao năm 2021 cho HĐQT, BKS
10/2021/NQ/HĐQT	22/11/2021	Chỉ đạo điều hành
11A/2021/NQ/HĐQT	31/12/2021	Phê duyệt Kế hoạch SXKD năm 2022 của Công ty
11B/2021/NQ/HĐQT	31/12/2021	Thống nhất loại khỏi tài sản Công ty để theo dõi ngoại bảng các khoản công nợ khó đòi đủ điều kiện xử lý
11C/2021/NQ/HĐQT	31/12/2021	Phê duyệt đơn giá lương năm 2022
10/2021/QĐ-HĐQT	31/12/2021	Phê duyệt đơn giá lương năm 2022
11/2021/QĐ-HĐQT	31/12/2021	Phê duyệt đơn giá lương năm 2022 của BĐH

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT VỚI BAN GIÁM ĐỐC

- HĐQT luôn theo dõi sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc;
- Trong năm 2021, HĐQT đánh giá cao các hoạt động của Ban Điều hành đã có những giải pháp linh hoạt trong điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19;

BAN KIỂM SOÁT

CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Ông Trần Phước Thái	1/1	100%	100%
2	Ông Trần Hữu Hoàng	1/1	100%	100%
3	Bà Phan Minh Khuê	1/1	100%	100%

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG

- Tham gia đầy đủ các phiên họp HĐQT, kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty, tích cực tham gia đóng góp ý kiến cũng như thường xuyên có những kiến nghị kịp thời nhằm ngăn ngừa rủi ro trong hoạt động của Công ty;
- Kiểm tra Báo cáo tài chính 2021 và tình hình sản xuất kinh doanh;
- Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 về việc phê duyệt tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện Kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2021 và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

- Các Biên bản họp và Nghị quyết của HĐQT trong năm 2021 được gửi đầy đủ đến Ban kiểm soát;
- Các cuộc họp của HĐQT thực hiện đầy đủ việc mời BKS tham dự;
- Các Quyết định và tài liệu quan trọng do Công ty phát hành được gửi đầy đủ đến Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo cách như đối với thành viên HĐQT;
- Quyền tiếp cận thông tin của Ban kiểm soát được đảm bảo;
- Trong năm 2021 không có kiến nghị, yêu cầu thực hiện việc kiểm tra nào từ phía cổ đông.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

LƯƠNG, THƯỞNG VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao thực nhận (80% mức được duyệt)
I	Hội đồng quản trị		384,000,000
1	Lê Vĩnh Hòa	Chủ tịch HĐQT từ ngày 10/02/2020	96,000,000
2	Trần Mạnh Hữu	Phó Chủ tịch HĐQT từ ngày 26/12/2018	72,000,000
3	Lê Mạnh Thường	TV HĐQT từ ngày 10/02/2020	72,000,000
4	Trần Như Thiên Mỵ	TV HĐQT, TGĐ	72,000,000
5	Đỗ Văn Sinh	TV HĐQT từ ngày 30/03/2018	72,000,000
II	Ban Kiểm soát		96,000,000
1	Trần Phước Thái	Trưởng BKS từ ngày 10/06/2020	38,400,000
2	Trần Hữu Hoàng	Thành viên BKS từ ngày 10/06/2020	28,800,000
3	Phan Minh Khuê	Thành viên BKS từ ngày 10/06/2020	28,800,000
	TỔNG		480,000,000

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ: Không có

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty CP XNK Thủy sản Miền Trung luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật và quy định nội bộ về quản trị công ty. Công ty luôn xem xét các thông lệ tốt về quản trị công ty để áp dụng sao cho phù hợp với doanh nghiệp và mang lại hiệu quả hoạt động.

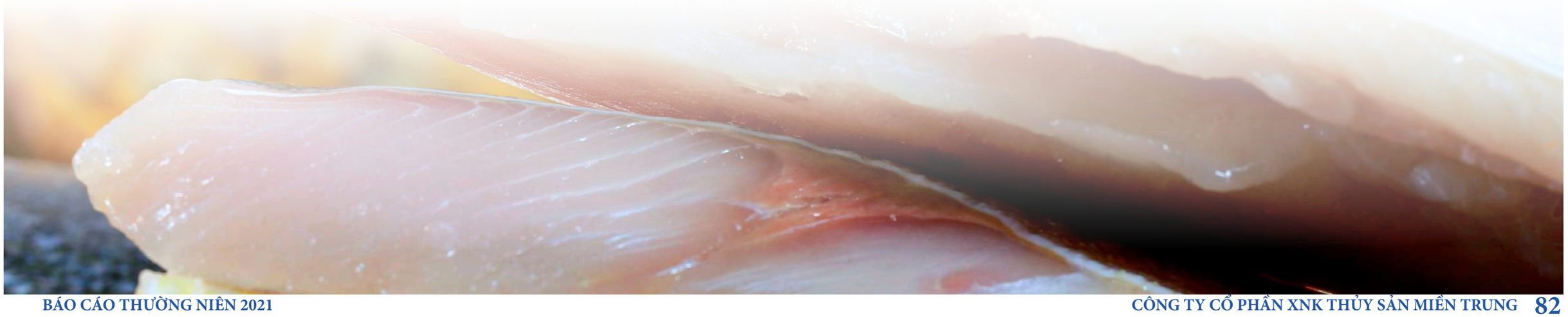

05| BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Báo cáo tài chính
- Thuyết minh báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 47

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Hội đồng quản trị

Tên	Chức vụ
Ông Lê Vĩnh Hòa	Chủ tịch
Ông Trần Mạnh Hữu	Phó Chủ tịch
Ông Lê Mạnh Thường	Thành viên
Bà Trần Như Thiên My	Thành viên
Ông Đỗ Văn Sinh	Thành viên

Ban kiểm soát

Tên	Chức vụ
Ông Trần Phước Thái	Trưởng ban
Ông Trần Hữu Hoàng	Thành viên
Bà Phan Minh Khuê	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Tên	Chức vụ
Bà Trần Như Thiên My	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty là bà Trần Như Thiên My - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: www.ecovis.com/vietnam/audit)

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, ngoại trừ vấn đề được nêu trong Báo cáo kiểm toán kèm theo, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Trần Như Thiên My
Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 22 tháng 02 năm 2022

ECOVIS AFA VIETNAM
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN – THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
ECOVIS AFA VIETNAM AUDITING – APPRAISAL AND CONSULTING CO., LTD
142 Xo Viet Nghe Tinh St., Hoa Cuong Nam Ward, Hai Chau Dist., Danang City, Vietnam
Tel: +84 236 363 3333 I Fax: +84 236 363 3338 I Email: info@ecovis.com.vn

Số: 33/2022/BCKT-E.AFA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22 tháng 02 năm 2022 từ trang 5 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 4.2, Kiểm toán viên không thu thập được Báo cáo tài chính cũng như các thông tin báo cáo tài chính của khoản đầu tư vào Công ty liên kết là Công ty CP Đầu tư New City Seadanang, các thủ tục thay thế cũng không thực hiện được. Tổng giá gốc của khoản đầu tư liên kết nêu trên tại ngày 31/12/2021 là 18.365.570.000 VND. Với hạn chế này chúng tôi không thể xem xét việc dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn theo quy định. Do hạn chế phạm vi kiểm toán, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về ảnh hưởng của khoản đầu tư nêu trên đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính này theo báo cáo kiểm toán số A0620053-TH-1/AISDN-DN ngày 22/03/2021. Vấn đề ngoại trừ này được nhắc lại trong báo cáo kiểm toán năm nay do Công ty chưa giải quyết.

M.S.D.N: 0401632052 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Phạm Quang Trung
Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 1334-2021-240-1

Nguyễn Hà Định
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 2883-2021-240-1

Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM
Đà Nẵng, ngày 22 tháng 02 năm 2022

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**356.995.376.429**	**274.204.554.389**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**4.1**	**78.204.954.101**	**38.979.371.789**
1. Tiền	111		78.204.954.101	38.979.371.789
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**-**	**-**
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**103.816.154.575**	**72.587.036.385**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	166.934.348.392	158.555.607.841
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	1.184.687.289	4.853.097.228
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	29.551.871.709	579.947.980
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(93.854.752.815)	(91.401.616.664)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	**140**		**171.598.562.208**	**159.891.950.692**
1. Hàng tồn kho	141	4.7	171.598.562.208	159.891.950.692
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**3.375.705.545**	**2.746.195.523**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.11	2.294.419.187	1.373.133.276
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.025.585.336	1.113.913.135
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.13	55.701.022	259.149.112
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**95.648.106.254**	**81.909.629.362**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**-**	**-**
II. Tài sản cố định	**220**		**74.562.616.317**	**60.872.451.922**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	71.544.016.279	57.811.685.217
Nguyên giá	222		249.115.540.662	225.780.134.807
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(177.571.524.383)	(167.968.449.590)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	3.018.600.038	3.060.766.705
Nguyên giá	228		5.315.374.111	5.315.374.111
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.296.774.073)	(2.254.607.406)
III. Bất động sản đầu tư	**230**		**-**	**-**
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**-**	**50.000.000**
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.8	-	50.000.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**4.2**	**20.987.177.440**	**20.987.177.440**
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		18.365.570.000	18.365.570.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.121.607.440	2.121.607.440
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		500.000.000	500.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**98.312.497**	**-**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	98.312.497	-
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**452.643.482.683**	**356.114.183.751**

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu B 01a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**337.034.465.892**	**241.750.378.815**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**323.055.351.809**	**233.198.321.558**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	19.134.172.689	21.789.993.911
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		41.889.474	105.682.351
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	12.000.000	13.011.864
4. Phải trả người lao động	314		11.465.856.621	10.631.256.090
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.14	2.277.108.727	1.256.421.178
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.15	80.000.000	200.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.16	146.341.886.459	15.326.617.724
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.17	142.649.098.213	182.446.750.804
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.053.339.626	1.428.587.636
II. Nợ dài hạn	**330**		**13.979.114.083**	**8.552.057.257**
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.16	220.000.000	220.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.17	13.759.114.083	8.332.057.257
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**115.609.016.791**	**114.363.804.936**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**4.18**	**115.609.016.791**	**114.363.804.936**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	120.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.000.000.000	120.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(101.650.000)	(101.650.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.388.233.760	11.388.233.760
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(15.677.566.969)	(16.922.778.824)
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		(16.922.778.824)	1.829.701.660
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.245.211.855	(18.752.480.484)
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**452.643.482.683**	**356.114.183.751**

M.S.D.N: 0400100778 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG Q. SƠN TRÀ - TP. ĐÀ NẴNG

Trần Như Thiên My	**Lê Thanh Phương**	**Trần Thị Thanh Thủy**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 02 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG
Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu B 02 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	859.356.487.914	709.010.165.383
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	714.737.957	228.013.910
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		858.641.749.957	708.782.151.473
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	793.668.569.672	649.531.646.098
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		64.973.180.285	59.250.505.375
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	4.451.457.690	5.036.670.392
7. Chi phí tài chính	22	5.5	13.149.951.423	22.552.896.942
Trong đó, chi phí lãi vay	23		*12.869.160.968*	*11.849.595.332*
9. Chi phí bán hàng	25	5.6	16.231.041.329	13.437.936.821
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.7	36.931.554.965	47.239.635.286
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.112.090.258	(18.943.293.282)
12. Thu nhập khác	31	5.8	1.046.074.507	249.825.504
13. Chi phí khác	32	5.9	851.048.868	59.012.706
14. Lợi nhuận khác	40		195.025.639	190.812.798
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.307.115.897	(18.752.480.484)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.10	2.061.904.042	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.245.211.855	(18.752.480.484)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.18.5	104	(1.563)
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.18.6	104	(1.563)

Trần Như Thiên My
Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 22 tháng 02 năm 2022

Lê Thanh Phương
Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Thủy
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG
Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu B 03-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2021	Năm 2020
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		845.922.832.983	690.886.736.762
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(771.577.449.381)	(602.089.558.850)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(83.507.946.807)	(71.160.943.487)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(12.373.063.315)	(11.880.239.851)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1.862.538.728)	(1.122.649)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		145.563.231.834	21.589.912.654
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(31.329.142.662)	(5.603.776.149)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**90.835.923.924**	**21.741.008.430**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(18.095.827.355)	(29.075.129.976)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		204.727.273	-
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	4.397.621.001
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		267.882.492	2.311.497.604
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(17.623.217.590)**	**(22.366.011.371)**
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	544.138.823.402	644.147.599.183
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(578.942.735.437)	(621.906.032.238)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(10.293.365)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(34.803.912.035)**	**22.231.273.580**
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	**50**		**38.408.794.299**	**21.606.270.639**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		38.979.371.789	17.226.220.703
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		816.788.013	146.880.447
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	**70**		**78.204.954.101**	**38.979.371.789**

Trần Như Thiên My
Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 22 tháng 02 năm 2022

Lê Thanh Phương
Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Thủy
Người lập

Mẫu số B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung theo Quyết định số 774/QĐ - BTS ngày 28/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400100778 ngày 14/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 19 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 12/11/2020.

Ngày 16/03/2010, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận giao dịch cổ phiếu của Công ty trên sàn Upcom với mã SPD. Ngày 22/04/2010, Công ty có phiên giao dịch đầu tiên trên sàn Upcom.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 120.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 878 (31 tháng 12 năm 2020 là: 852).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, sản xuất và chế biến thuỷ hải sản.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Chế biến, bảo quản thủy hải sản và các sản phẩm từ thủy sản: Chế biến thủy, hải sản xuất khẩu;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán ô tô, xe máy;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm);
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận trụ trợ của ô tô, xe máy;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ: Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Đầu tư tài chính;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bốc xếp hàng hóa đường bộ;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh bất động sản; Cho thuê kho; Cho thuê nhà và văn phòng.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Theo Nghị quyết 10/2021/NQ – HĐQT ngày 22/11/2021, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua việc dừng hoạt động của Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung tại Thành phố Hồ Chí Minh.

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

1.7. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 01 công ty liên kết và các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty liên doanh, liên kết:				
Công ty CP Đầu tư New City Seadanang	31 Ngũ Hành Sơn, P. Mỹ An,Q. Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng	23,44%	23,44%	23,44%

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2021 gồm:

Tên	Địa chỉ
Công ty Chế biến và Xuất khẩu Thuỷ sản Thọ Quang	Khu công nghiệp Đà Nẵng - Phường Thọ Quang, Sơn Trà, Đà Nẵng
Công ty Phát triển Nguồn lợi Thuỷ sản	Lô 7A - Khu công nghiệp Điện Nam Điện Ngọc - Quảng Nam

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như các khoản doanh thu, chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3.4. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	Năm 2021	
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25	năm
▪ Máy móc thiết bị	03 – 12	năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 07	năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06	năm

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế gồm:

- Giá trị quyền sử dụng đất diện tích đất tại phường 6, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, diện tích 3078 m2.
- Giá trị quyền sử dụng đất 261-263 Phan Châu Trinh, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, Đà Nẵng, Việt Nam, diện tích 301,2 m2.
- Giá trị quyền sử dụng đất tại 166 Nguyễn Công Trứ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, diện tích 90,45m2.

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

3.9. Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

3.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ; chi phí sửa chữa, bảo dưỡng...Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.12. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.13. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.14. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.15. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian thuê tài sản.

3.16. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.17. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

3.19. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.20. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn.

3.21. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.22. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và các mức thuế suất tính thuế TNDN như sau:

- Áp dụng mức thuế suất 15% đối với thu nhập từ chế biến trong lĩnh vực thủy sản;
- Áp dụng mức thuế suất 20% đối với các thu nhập khác.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Áp dụng mức thuế suất 0% đối với hoạt động xuất khẩu;
- Áp dụng mức thuế suất 5% đối với hoạt động bán hải sản trong nước;
- Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động mua bán vật tư và cho thuê kho;
- Các hoạt động khác áp dụng mức thuế suất theo quy định.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.24. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.25. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.26. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Ngoại tệ	Tại ngày 31/12/2021 VND	Ngoại tệ	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tiền mặt tại quỹ		200.512.007		415.260.763
VND		*200.512.007*		*415.260.763*
Tiền gửi ngân hàng		78.004.442.094		38.564.111.026
+ VND		*5.767.114.031*		*7.834.509.901*
+ USD	*3.189.009,59 #*	*72.237.328.063*	*1.334.719,70 #*	*30.729.601.125*
Cộng		**78.204.954.101**		**38.979.371.789**

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Dài hạn:				
Trái phiếu ICB	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
Cộng	**500.000.000**	**500.000.000**	**500.000.000**	**500.000.000**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là 50 trái phiếu mệnh giá 10.000.000 VND của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Ngũ Hành Sơn, kỳ hạn 10 năm, lãi suất bằng lãi suất tham chiếu + 0,8%/năm, được chấp thuận mua vào ngày 21/06/2018.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2021 VND			Tại ngày 01/01/2021 VND		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết:						
Công ty CP Đầu tư New City Seadanang (*)	18.365.570.000	-		18.365.570.000	-	
Cộng	**18.365.570.000**	**-**		**18.365.570.000**	**-**	
Đầu tư vào đơn vị khác						
Công ty CP Long Hậu (**)	2.121.607.440	-	7.309.230.000	2.121.607.440	-	4.730.313.000
Cộng	**2.121.607.440**	**-**	**7.309.230.000**	**2.121.607.440**	**-**	**4.730.313.000**

(*) Tại thời điểm lập báo cáo, Công ty chưa nhận được báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 cũng như các thông tin báo cáo tài chính của khoản đầu tư vào Công ty liên kết là Công ty CP Đầu tư New City Seadanang để đánh giá việc trích lập dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư tài chính dài hạn theo quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Ngày 28/12/2020, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung gửi đến Công ty CP Đầu tư New City Seadanang thông báo số 281220/TB-TGĐ về việc hủy bỏ Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2016/HĐ.NC-SPD ngày 07/06/2016 kể từ ngày 05/01/2021.

Ngày 08/01/2021, Công ty đã nộp đơn phản tố đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu phản tố, ngày 18/02/2021 đã bổ sung đơn phản tố, nội dung phản tố bao gồm:

- Công nhận việc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung hủy bỏ Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2016/HĐ.NC-SPD ngày 07/09/2016 vì lý do Công ty CP Đầu tư New City Seadanang đã vi phạm nghiêm trọng Hợp đồng hợp tác theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 điều 423 Bộ Luật dân sự 2015;
- Giải quyết hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng hợp tác căn cứ theo quy định tại Điều 427 Bộ Luật dân sự 2015, cụ thể là: Khi hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2016/HĐ.NC-SPD bị hủy bỏ thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm giao kết nên Công ty CP Đầu tư New City Seadanang phải hoàn trả, bàn giao các tài sản góp vốn của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung đã bàn giao theo hợp đồng hợp tác.

Đến nay, Tòa án chưa tiến hành các bước tiếp theo.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty CP Long Hậu trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày 31/12/2021 là 53.000 VND/cổ phiếu và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ là 137.910 cổ phiếu.

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Marubeni Corporation	26.686.046.019	17.711.155.407
Maruha Nichiro Sea foods INC	26.982.360.603	26.722.604.045
Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR	23.986.810.400	23.986.810.400
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân	19.180.435.650	19.480.435.650
Công ty Cổ phần Inox Hòa Bình	31.820.416.195	31.820.416.195
Các khách hàng khác	38.278.279.525	38.834.186.144
Cộng	**166.934.348.392**	**158.555.607.841**

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Công ty Cổ phần Seatecco	-	330.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây Dựng NHL	-	812.000.000
Công ty TNHH Cơ điện Thiên Lộc Phát	-	2.471.685.565
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghiệp Á Châu	-	630.850.000
Công ty TNHH MSC Việt Nam	337.382.400	-
Công ty TNHH Phần mềm Fast	252.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	595.304.889	608.561.663
Cộng	**1.184.687.289**	**4.853.097.228**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.5. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	5.000.000	-	5.500.000	-
Ký quỹ mở LC UPAS	29.022.038.895	-	-	-
Tạm ứng	44.970.547	-	62.098.650	-
Phải thu bảo hiểm	215.543.842	-	277.974.157	-
Phải thu khác	264.318.425	-	234.375.173	-
Cộng	**29.551.871.709**	**-**	**579.947.980**	**-**

4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	96.736.021.505	2.881.268.690	91.401.616.664	-
Cộng	**96.736.021.505**	**2.881.268.690**	**91.401.616.664**	**-**

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì các khoản nợ này đã tồn tại lâu và chưa thu hồi được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2021 VND			Tại ngày 01/01/2021 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH Inox Đại Phát	2.178.000.000	-	Từ 3 năm trở lên	2.178.000.000	-	Từ 3 năm trở lên
Công ty CP Inox Hòa Bình	31.820.416.195	-	Từ 3 năm trở lên	31.820.416.195	-	Từ 3 năm trở lên
Công ty TNHH Cơ Khí Đóng Tàu Hà Đức	3.812.860.589	-	Từ 3 năm trở lên	3.812.860.589	-	Từ 3 năm trở lên
Công ty CP XNK Thép Phú Lâm	9.994.961.290	-	Từ 3 năm trở lên	9.994.961.290	-	Từ 3 năm trở lên
Công ty CP Đầu tư và Phát Triển Đức Quân	19.180.435.650	-	Từ 3 năm trở lên	19.480.435.650	-	Từ 3 năm trở lên
Công ty CP Đầu tư 3GR	23.986.810.400	-	Từ 3 năm trở lên	23.986.810.400	-	Từ 3 năm trở lên
DNTN TMDV XNK Hợp Thành Công	2.022.218.557	1.011.109.279	Từ 3 năm trở lên	-	-	
Công ty TNHH TM Tân Vinh Thái	3.740.318.824	1.870.159.411	Từ 3 năm trở lên	-	-	
Công ty CP Bê Tông Ly Tâm Dung Quất	-	-		128.132.540	-	Từ 3 năm trở lên
Cộng	**96.736.021.505**	**2.881.268.690**		**91.401.616.654**	**-**	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	12.448.976.390	-	9.494.295.426	-
Công cụ, dụng cụ	672.886.317	-	435.990.639	-
Chi phí SX, KD dở dang	157.558.657.850	-	148.942.918.742	-
Thành phẩm	900.442.559	-	962.511.885	-
Hàng hóa	17.599.092	-	56.234.000	-
Cộng	**171.598.562.208**	**-**	**159.891.950.692**	**-**

Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm.

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại thời điểm cuối năm là 157.558.657.850 VND.

4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Công trình cải tạo và mở rộng phân xưởng 2	-	50.000.000
Cộng	**-**	**50.000.000**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2021	75.784.069.340	4.130.172.385	1.553.460.930	225.780.134.807
Mua trong năm	1.183.157.273	-	-	23.797.646.600
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(462.240.745)
Tại ngày 31/12/2021	**76.967.226.613**	**4.130.172.385**	**1.553.460.930**	**249.115.540.662**
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2021	63.004.714.602	1.768.357.936	1.049.223.657	167.968.449.590
Khấu hao trong năm	2.500.610.388	456.438.266	121.476.239	10.065.315.538
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(462.240.745)
Tại ngày 31/12/2021	**65.505.324.990**	**2.224.796.222**	**1.170.699.896**	**177.571.524.383**
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2021	12.779.354.738	2.361.814.449	504.237.273	57.811.685.217
Tại ngày 31/12/2021	**11.461.901.623**	**1.905.376.163**	**382.761.034**	**71.544.016.279**

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 27.169.742.925 VND.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 139.925.598.320 VND.

Không có TSCĐ hữu hình cuối năm chờ thanh lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2021	5.062.374.111	253.000.000	5.315.374.111
Mua trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2021	**5.062.374.111**	**253.000.000**	**5.315.374.111**
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2021	2.201.899.071	52.708.335	2.254.607.406
Khấu hao trong năm	-	42.166.667	42.166.667
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2021	**2.201.899.071**	**94.875.002**	**2.296.774.073**
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2021	2.860.475.040	200.291.665	3.060.766.705
Tại ngày 31/12/2021	**2.860.475.040**	**158.124.998**	**3.018.600.038**

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 2.860.475.040 VND.

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.201.899.071 VND.

4.11. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa	216.094.000	-
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	433.028.336	519.558.437
Chi phí dịch vụ ký quỹ L/C Upas	553.114.551	-
Các khoản khác	1.092.182.300	853.574.839
Cộng	**2.294.419.187**	**1.373.133.276**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Dài hạn:		
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	98.312.497	-
Cộng	**98.312.497**	**-**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Hải Nam	1.752.368.170	1.752.368.170	1.741.423.200	1.741.423.200
Công ty TNHH Kỹ thuật cơ nhiệt Vinh Quang	3.585.660.000	3.585.660.000	2.111.400.000	2.111.400.000
FALCON MARINE EXPORTS LTD	-	-	9.785.278.505	9.785.278.505
TOKAI DENPUN CO., LTD	-	-	2.278.973.138	2.278.973.138
Công ty Cổ phần Đông Á	1.113.151.500	1.113.151.500	834.550.750	834.550.750
Danica Aqua Exports Private Limited	1.983.258.432	1.983.258.432	-	-
ST.PETER&PAUL	2.172.128.400	2.172.128.400	-	-
Svr Seafoods Exports Private Limited	2.775.061.920	2.775.061.920	-	-
Các đối tượng khác	5.752.544.267	5.752.544.267	5.038.368.318	5.038.368.318
Cộng	**19.134.172.689**	**19.134.172.689**	**21.789.993.911**	**21.789.993.911**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.13. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT đầu ra	-	12.000.000	1.779.716.466	1.780.728.350	-	13.011.864
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	97.924.171	97.924.171	-	-
Thuế nhập khẩu	6.795.465	-	-	6.795.465	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.889.549	-	2.061.904.042	1.862.538.728	209.254.863	-
Thuế thu nhập cá nhân	39.016.008	-	440.775.701	429.897.460	49.894.249	-
Thuế tài nguyên	-	-	56.647.200	56.647.200	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	1.735.219.438	1.735.219.438	-	-
Các loại thuế khác	-	-	847.146.600	847.146.600	-	-
Cộng	**55.701.022**	**12.000.000**	**7.019.333.638**	**6.816.897.412**	**259.149.112**	**13.011.864**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Lãi vay dự trả	113.728.737	82.408.073
Tiền thuê đất	1.077.169.440	807.877.085
Trích trước chi phí vận chuyển	742.571.600	178.404.220
Các khoản trích trước khác	343.638.950	187.731.800
Cộng	**2.277.108.727**	**1.256.421.178**

4.15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Doanh thu nhận trước cho thuê nhà	80.000.000	200.000.000
Cộng	**80.000.000**	**200.000.000**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.16. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Ngắn hạn		
Tài sản thừa chờ giải quyết	1.000.000.000	1.000.000.000
Kinh phí công đoàn	481.366.872	435.228.819
BHXH, BHYT, BHTN	-	6.736.118
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	235.391.495	270.913.040
Ngân hàng TMCP Công thương VN	13.408.819.069	-
- CN Đà Nẵng - LC UPAS		
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn VN	20.863.682.922	-
- CN Đà Nẵng - LC UPAS		
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN	89.365.451.075	12.596.849.244
- CN Đà Nẵng - LC UPAS		
Ngân hàng TMCP hàng Hải Việt Nam	20.064.625.942	-
- Chi nhánh Đà Nẵng - LC UPAS		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	694.000.000	694.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	228.549.084	322.890.503
Cộng	**146.341.886.459**	**15.326.617.724**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược	220.000.000	220.000.000
Cộng	**220.000.000**	**220.000.000**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.17. Vay và nợ thuê tài chính

	Tại ngày 31/12/2021			Trong năm		Tại ngày 01/01/2021		
	USD	VND		VND		USD	VND	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm		Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Vay ngắn hạn (VND)		113.366.662.648	113.366.662.648	397.882.307.964	382.569.911.545		98.054.266.229	98.054.266.229
+ Ngân hàng TM CP Công thương VN		*20.667.590.433*	*20.667.590.433*	*70.734.473.054*	*78.503.748.143*		*28.436.865.522*	*28.436.865.522*
- CN Ngũ Hành Sơn								
+ Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam		*32.401.681.951*	*32.401.681.951*	*76.960.370.829*	*62.651.381.552*		*18.092.692.674*	*18.092.692.674*
- CN Đà Nẵng								
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN		*47.524.704.850*	*47.524.704.850*	*222.367.050.708*	*220.270.000.000*		*45.427.654.142*	*45.427.654.142*
- CN Đà Nẵng								
+ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam		*12.772.685.414*	*12.772.685.414*	*27.820.413.373*	*21.144.781.850*		*6.097.053.891*	*6.097.053.891*
- Chi nhánh Đà Nẵng								
- Vay ngắn hạn (USD)	1.072.740,34 #	24.663.195.849	24.663.195.849	135.713.166.708	192.980.758.434	3.532.527,77 #	81.930.787.575	81.930.787.575
+ Ngân hàng TM CP Công thương VN	- #	-	-	*9.269.964.000*	*13.604.959.184*	*186.628,00* #	*4.334.995.184*	*4.334.995.184*
- CN Ngũ Hành Sơn								
+ Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam	*653.536,34* #	*14.972.517.549*	*14.972.517.549*	*69.476.521.636*	*91.591.994.815*	*1.599.999,60* #	*37.087.990.728*	*37.087.990.728*
- CN Đà Nẵng								
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN	*60.410,00* #	*1.384.597.200*	*1.384.597.200*	*36.814.810.823*	*57.953.578.414*	*970.207,40* #	*22.523.364.791*	*22.523.364.791*
- CN Đà Nẵng								
+ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	*358.794,00* #	*8.306.081.100*	*8.306.081.100*	*20.151.870.249*	*29.830.226.021*	*775.692,77* #	*17.984.436.872*	*17.984.436.872*
- Chi nhánh Đà Nẵng								
- Nợ dài hạn đến hạn trả		4.619.239.716	4.619.239.716	4.619.239.716	2.461.697.000		2.461.697.000	2.461.697.000
+ Ngân hàng TM CP Công thương VN		*1.644.000.000*	*1.644.000.000*	*1.644.000.000*	*1.920.000.000*		*1.920.000.000*	*1.920.000.000*
- CN Ngũ Hành Sơn								
+ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam		*2.975.239.716*	*2.975.239.716*	*2.975.239.716*	*541.697.000*		*541.697.000*	*541.697.000*
- Chi nhánh Đà Nẵng								
Cộng		**142.649.098.213**	**142.649.098.213**	**538.214.714.388**	**578.012.366.979**		**182.446.750.804**	**182.446.750.804**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2021		Trong năm		Tại ngày 01/01/2021	
	USD	VND	VND		USD	VND
		Giá trị Số có khả năng	Tăng	Giảm		Giá trị Số có khả năng
- Vay dài hạn		13.759.114.083 13.759.114.083	10.976.665.000	5.549.608.174		8.332.057.257 8.332.057.257
+ Ngân hàng TM CP Công thương VN - CN Ngũ Hành Sơn		*3.909.080.000 3.909.080.000*	-	*1.575.000.000*		*5.484.080.000 5.484.080.000*
+ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng		*9.850.034.083 9.850.034.083*	*10.976.665.000*	*3.974.608.174*		*2.847.977.257 2.847.977.257*
Cộng		13.759.114.083 13.759.114.083	10.976.665.000	5.549.608.174		8.332.057.257 8.332.057.257
Tổng cộng		156.408.212.296 156.408.212.296	549.191.379.388	583.561.975.153		190.778.808.061 190.778.808.061

Chi tiết các hợp đồng vay ngắn hạn như sau:

Đối tượng	Hợp đồng hạn mức	Hạn mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Đà Nẵng	Hợp đồng số 02.06/2021/HĐTD ngày 14/06/2021	60.000.000.000 VND	12 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động	- Băng tải tôm bột BTTB-300-9LP sản xuất tại Việt Nam (03 băng tải) thuộc sở hữu của KH. - Máy đá vẩy MĐV-20T, sản xuất tại Việt Nam thuộc sở hữu của KH. - Xe ô tô Toyota Camry, model code: ASV70L-Jetqku, xe mới 100%, sản xuất năm 2019. - Thiết bị cấp đông siêu tốc đơn 500kg/h Glory Thermal JCT-S 500 thuộc sở hữu của KH. - Xe ô tô tải (thùng kín), sản xuất năm 2020 tại Việt Nam thuộc sở hữu của KH. - 2 máy đóng gói hút chân không, mã hiệu J-V006 thuộc sở hữu của KH. - Máy rã đông cá, mã hiệu MRD-1T-TN thuộc sở hữu của KH. - Máy đóng gói hút chân không dạng băng tải, Model: J-V021 thuộc sở hữu của KH. - Máy dò kim loại Anritsu, Model: KDS4510BW thuộc sở hữu của KH. - Máy đánh bột khô, mã hiệu MDB-300-TN thuộc sở hữu của KH.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Đối tượng	Hợp đồng hạn mức	Hạn mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
						- Máy đánh bột nước, mã hiệu MKB-TN thuộc sở hữu của KH. - Dàn ngưng công suất 450kW thuộc sở hữu của KH. - Dàn ngưng công suất 1000kW thuộc sở hữu của KH. - Máy dò tạp chất Xray thuộc sở hữu của KH. - Cụm máy nén trục vít MYCOM thuộc sở hữu của KH. - Thiết bị cấp đông IQF công suất 500kg/h thuộc sở hữu của KH.
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	Hợp đồng số 32/2021/VCB_KHDN ngày 19/04/2021	80.000.000.000 VND	12 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động	Thế chấp tài sản là BĐS theo Hợp đồng bảo đảm số 47/2010/VCB-ĐN ngày 20/10/2010. - Thế chấp tài sản là động sản theo Hợp đồng số 29/2011/VCB-KHDN ngày 30/03/2011. - Thế chấp tài sản là động sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 49/2011/VCB_KHDN ngày 06/05/2011. - Thế chấp tài sản là HTK luân chuyển theo Hợp đồng bảo đảm số 26/2019/VCB-KHDN ngày 10/05/2019. - Thế chấp tài sản là Quyền đòi nợ theo Hợp đồng đảm bảo số 25/2019/VCB-KHDn ngày 10/05/2019.
Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - CN Đà nẵng	Hợp đồng số 2000-LAV-202001168 ngày 24/09/2020	80.000.000.000 VND	12 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động	- Thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Công ty CP XNK Thủy sản Miền Trung địa chỉ 261-263 Phan Châu Trinh. - Thế chấp tài sản là Phân xưởng chế biến số 3 và kho lạnh 800 tấn.
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	Hợp đồng số 08.2021/HĐTD/AGR_SEA ngày 20/08/2021	80.000.000.000 VND	12 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động	- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Công ty CP Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Miền Trung tại thửa đất số 59, tờ bản đồ số 16, địa chỉ 261-263 Phan Châu Trinh, p. Phước Ninh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 280282 (Số vào sổ cấp GCN: T 01657) do UBND TP. Đà Nẵng cấp ngày 18/04/2008 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2000LAV2011/HĐTC/BĐS/SEA ký kết ngày 06 tháng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Đối tượng	Hợp đồng hạn mức	Hạn mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
						07 năm 2011
Ngân hàng Thương mại CP Công thương Việt Nam-CN Ngũ Hành Sơn	Hợp đồng số 01/2021/HĐC VHM/NHCT486-SEA ngày 31/05/2021	35.000.000.000 VND	12 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động	- Thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 018/HĐTCTS ngày 01/06/2006. - Thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 018-SEA/TH ngày 08/12/2006. - Thế chấp toàn bộ dây chuyền sản xuất thức ăn nuôi tôm. - Thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 01/2013/HĐTC-QTS.

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

Đối tượng	Hợp đồng hạn mức	Hạn mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng Thương mại CP Công thương Việt Nam-CN Ngũ Hành Sơn	Hợp đồng số 01/2018-HĐCVTL/NHCT486-SEA	10.900.000.000 VND	84 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Đầu tư 01 thiết bị cấp đông IQF siêu tốc 750kg/h, tái đông 900kg/h, máy nén, dàn ngưng và 02 máy dò kim loại Model KDS 4510ABW phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thủy sản	- Dây chuyền cấp đông IQF siêu tốc 750kg/h, tái đông 900kg/h, Glory Thermal Jet – M7505; - Hệ thống máy nén, dàn ngưng; - Máy dò kim loại Model KDS451ABW.
	Hợp đồng số 01/2019/HĐBĐ/NHCT486/SEA	2.400.000.000 VND	60 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Thanh toán đợt 2 40% tiền mua máy hấp luộc Anh Phát.	- Máy hấp 750kg/h, chế tạo Anh Phát, model MH-750-TN, công dụng hấp tôm và các sản phẩm khác.
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – CN Đà Nẵng	Hợp đồng số 16.06B/2020/HĐCV	3.360.000.000 VND	60 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Đầu tư máy móc thiết bị là thiết bi cấp đông siêu tốc 500kg/h	- Hợp đồng thế chấp số 20.03A/2020/BĐ và 20/03B/2020/BĐ ngày 20/03/2020. - Hợp đồng thế chấp số 26.03/2020/BĐ ngày 26/03/2020. - Thế chấp thiết bị cấp đông siêu tốc đơn 500kg.h GLORY JCT.
	Hợp đồng số	1.600.000.000	60 tháng	Theo giấy	Đầu tư tài sản phục	- Thế chấp băng tải tôm bột BTTB-300-9LP sản xuất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Đối tượng	Hợp đồng hạn mức	Hạn mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
	20.03/2020/HĐCV	VND		nhận nợ cụ thể	vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư mới 01 xe ô tô 5 chỗ hiệu Toyota Camry	tại Việt Nam (03 băng tải). - Thế chấp Máy đá Vẩy MĐV-20t, sản xuất tại Việt Nam. - Xe ô tô Toyota Camry
	Hợp đồng số 02.06/2021/HĐTD	11.250.000.000 VND	60 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Đầu tư tài sản là máy móc thiết bị và xe ô tô phục vụ sản xuất kinh doanh	- Xe ô tô tải (thùng kín), sản xuất năm 2020 tại Việt Nam thuộc sở hữu của KH. - 2 máy đóng gói hút chân không, mã hiệu J-V006 thuộc sở hữu của KH. - Máy rã đông cá, mã hiệu MRD-1T-TN thuộc sở hữu của KH. - Máy đóng gói hút chân không dạng băng tải, Model: J-V021 thuộc sở hữu của KH. - Máy dò kim loại Anritsu, Model: KDS4510BW thuộc sở hữu của KH. - Máy đánh bột khô, mã hiệu MDB-300-TN thuộc sở hữu của KH. - Máy đánh bột nước, mã hiệu MKB-TN thuộc sở hữu của KH. - Dàn ngưng công suất 450kW thuộc sở hữu của KH. - Dàn ngưng công suất 1000kW thuộc sở hữu của KH. - Máy dò tạp chất Xray thuộc sở hữu của KH. - Cụm máy nén trục vít MYCOM thuộc sở hữu của KH. - Thiết bị cấp đông IQF công suất 500kg/h thuộc sở hữu của KH.

4.18. Vốn chủ sở hữu

4.18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2020	120.000.000.000	(101.650.000)	11.388.233.760	2.259.701.660	133.546.285.420
Lỗ trong năm trước	-	-	-	(18.752.480.484)	(18.752.480.484)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(430.000.000)	(430.000.000)
Tại ngày 01/01/2021	120.000.000.000	(101.650.000)	11.388.233.760	(16.922.778.824)	114.363.804.936
Lãi trong năm nay	-	-	-	1.245.211.855	1.245.211.855
Tại ngày 31/12/2021	**120.000.000.000**	**(101.650.000)**	**11.388.233.760**	**(15.677.566.969)**	**115.609.016.791**

4.18.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Vốn góp của Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam	43.675.380.000	43.675.380.000
Vốn góp của các cổ đông khác	76.324.620.000	76.324.620.000
Cộng	**120.000.000.000**	**120.000.000.000**

4.18.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn góp đầu năm	120.000.000.000	120.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	**120.000.000.000**	**120.000.000.000**

4.18.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.000.000	12.000.000
Cổ phiếu phổ thông	*12.000.000*	*12.000.000*
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	12.000.000
Cổ phiếu phổ thông	*12.000.000*	*12.000.000*
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		

4.18.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.245.211.855	(18.752.480.484)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	1.245.211.855	(18.752.480.484)
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	12.000.000	12.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**104**	**(1.563)**

4.18.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.245.211.855	(18.752.480.484)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm LNST	-	-
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.245.211.855	(18.752.480.484)
Số lượng CP phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.000.000	12.000.000
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng CP để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	12.000.000	12.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**104**	**(1.563)**

Lãi cơ bản/ lãi suy giảm năm 2021 được tính dựa trên toàn bộ lợi nhuận sau thuế do Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông không quy định tỷ lệ trích quỹ khen thưởng phúc lợi.

4.19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2021 USD	Tại ngày 01/01/2021 USD
Ngoại tệ các loại USD	3.189.009,59	1.334.719,70

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Nợ khó đòi đã xử lý:		
Công ty TNHH Mỹ Đức - Xóa sổ do tồn đọng lâu	87.511.000	87.511.000
Seatraco - Xóa sổ do Doanh nghiệp phá sản	1.540.050.033	1.540.050.033
Công ty TNHH Tân Hải Hưng - Xóa sổ do tồn đọng lâu	318.571.653	318.571.653
Công ty CP Bê Tông Ly Tâm Dung Quất - Xóa sổ do tồn đọng lâu	128.132.540	-
Các cá nhân khác - Xóa sổ do tồn đọng lâu	263.869.535	263.869.535

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu hải sản	826.388.220.244	678.339.470.033
Doanh thu sản xuất thức ăn tôm, cá gia súc	19.092.882.327	17.710.196.550
Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.875.385.343	12.960.498.800
Cộng	**859.356.487.914**	**709.010.165.383**

5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chiết khấu thương mại	134.811.813	103.239.910
Giảm giá hàng bán	579.926.144	124.774.000
Cộng	**714.737.957**	**228.013.910**

5.3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn hải sản	770.660.708.446	628.490.494.428
Giá vốn sản xuất thức ăn tôm, cá gia súc	16.378.698.268	14.885.245.283
Giá vốn cung cấp dịch vụ	6.629.162.958	6.155.906.387
Cộng	**793.668.569.672**	**649.531.646.098**

5.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi	5.919.304	7.165.249
Lãi đầu tư	36.500.000	1.814.147.191
Cổ tức, lợi nhuận được chia	262.029.000	471.029.000
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	4.147.009.386	2.446.454.930
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	297.874.022
Cộng	**4.451.457.690**	**5.036.670.392**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.5. Chi phí tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí lãi vay	12.869.160.968	11.849.595.332
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	10.772.546
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	10.679.235.540
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	280.790.455	-
Phí lưu ký chứng khoán	-	13.293.524
Cộng	**13.149.951.423**	**22.552.896.942**

5.6. Chi phí bán hàng

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	793.481.892	1.070.453.972
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	15.437.559.437	12.367.482.849
Cộng	**16.231.041.329**	**13.437.936.821**

5.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	27.139.366.972	24.877.668.695
Chi phí đồ dùng văn phòng	756.128.379	323.342.166
Chi phí khấu hao TSCĐ	898.829.522	880.952.941
Thuế, phí, lệ phí	5.054.168	1.740.219.438
Chi phí dự phòng	2.881.268.691	12.730.173.815
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.071.884.345	2.690.616.359
Chi phí bằng tiền khác	2.479.022.888	3.996.661.872
Hoàn nhập chi phí dự phòng	(300.000.000)	-
Cộng	**36.931.554.965**	**47.239.635.286**

5.8. Thu nhập khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu thanh lý tài sản	204.727.273	57.244.120
Tiền vi phạm hợp đồng thuê nhà 263 PCT	-	150.000.000
Thu nhập khác	841.347.234	42.581.384
Cộng	**1.046.074.507**	**249.825.504**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.9. Chi phí khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Phạt vi phạm hành chính, phạt chậm nộp thuế	844.136.222	38.937.623
Chi phí khác	6.912.646	20.075.083
Cộng	**851.048.868**	**59.012.706**

5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.307.115.897	(18.752.480.484)
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	576.869.304	29.319.391
Cộng:	1.368.992.256	634.022.425
- Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	*312.000.000*	*312.000.000*
- Phạt chậm nộp thuế, truy thu thuế, phạt hành chính	*844.136.222*	-
- Lãi CLTG đánh giá lại năm trước tiền và nợ phải thu	*133.674.034*	*283.084.802*
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	*79.182.000*	*38.937.623*
Trừ:	792.122.952	604.703.034
- Cổ tức lợi nhuận được chia	*262.029.000*	*471.029.000*
- Lãi CLTG đánh giá lại cuối năm tiền và nợ phải thu	*530.093.952*	*133.674.034*
Tổng thu nhập chịu thuế	3.883.985.201	(18.723.161.093)
- Thu nhập được hưởng ưu đãi thuế	*6.046.779.057*	*(8.519.138.273)*
- Thu nhập của hoạt động khác	*(2.162.793.856)*	*(10.204.022.820)*
Trừ: Lỗ năm trước chuyển sang	3.883.985.201	-
Tổng thu nhập tính thuế	-	(18.723.161.093)
- Hoạt động ưu đãi	-	*(8.519.138.273)*
- Hoạt động không ưu đãi	-	*(10.204.022.820)*
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
Thuế suất thuế TNDN hoạt động ưu đãi	15%	15%
Thuế suất thuế TNDN hoạt động khác	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
- Thuế TNDN của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế	-	-
- Thuế TNDN của hoạt động khác	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	**2.061.904.042**	**-**
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh năm này	-	-
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm này	*2.061.904.042*	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	751.157.526.782	542.452.761.287
Chi phí nhân công	29.387.345.738	95.954.049.424
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.107.482.205	8.820.752.659
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.323.414.617	46.368.051.389
Chi phí khác bằng tiền	2.802.631.715	5.745.119.310
Cộng	**851.778.401.057**	**699.340.734.069**

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	544.138.823.402	644.147.599.183
Cộng	**544.138.823.402**	**644.147.599.183**

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	578.942.735.437	621.906.032.238
Cộng	**578.942.735.437**	**621.906.032.238**

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý kinh doanh như sau:

- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
- Công ty Phát triển Nguồn lợi Thủy Sản
- Công ty Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Thọ Quang.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý	Công ty PTNL Thuỷ sản		Công ty CB & XK TS Thọ Quang		Chi nhánh Hồ Chí Minh		Công ty CB & XK TS Thọ Quang	
	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Doanh thu bộ phận	19.492.882.327	17.482.182.640	-	-	2.286.306.667	1.599.835.047	59.809.735	80.854.600
- *Từ khách hàng bên ngoài*	*19.492.882.327*	*17.482.182.640*	-	-	*2.286.306.667*	*1.599.835.047*	59.809.735	80.854.600
- *Giữa các bộ phận*	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí bộ phận	18.187.570.892	17.135.081.489	785.335	-	1.593.873.045	553.317.692	59.809.735	80.854.600
- *Từ khách hàng bên ngoài*	*18.187.570.892*	*17.135.081.489*	*785.335*	-	*1.593.873.045*	*553.317.692*	59.809.735	80.854.600
- *Giữa các bộ phận*	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi (lỗ) hoạt động KD	1.305.311.435	347.101.151	(785.335)	-	692.433.622	1.046.517.355	-	-
Lãi vay	-	-	-	-	28.208.705	75.731.884	9.756.755.971	9.497.709.463
Lãi (lỗ) hđ tài chính khác	*1.581.423*	-	*30.610*	-	330.688	-	-	-
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính	1.581.423	-	30.610	-	(27.878.017)	(75.731.884)	9.756.755.971	9.497.709.463
Thu nhập khác	38.543.398	485.934	-	-	770.000	-	1.189.241.027	930.194.519
Chi phí khác	402.450	75.083	-	-	-	29.702	-	-
Lãi (lỗ) hoạt động khác	38.140.948	410.851	-	-	770.000	(29.702)	1.189.241.027	930.194.519
Lợi nhuận trước thuế	1.345.033.806	347.512.002	(754.725)	-	665.325.605	970.755.769	-	-
Thuế TNDN	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.345.033.806	347.512.002	(754.725)	-	665.325.605	970.755.769	-	-

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý	Chi nhánh Hồ Chí Minh		Công ty CB & XK TS Thọ Quang	
	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tài sản bộ phận	-	10.992.705.274	80.854.600	80.854.600
Tổng tài sản	**-**	**10.992.705.274**	**80.854.600**	**80.854.600**
Nợ phải trả bộ phận	-	2.611.162.816	80.854.600	80.854.600
Tổng nợ phải trả	**-**	**2.611.162.816**	**80.854.600**	**80.854.600**

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý	Văn phòng		Loại trừ		Tổng cộng	
	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bộ phận	836.862.560.963	689.700.133.786	-	-	858.641.749.957	708.782.151.473
- Từ khách hàng bên ngoài	*836.862.560.963*	*689.700.133.786*	-	-	*858.641.749.957*	*708.782.151.473*
- Giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-
Chi phí bộ phận	827.048.936.694	692.520.819.024	-	-	846.831.165.966	710.209.218.205
- Từ khách hàng bên ngoài	*827.048.936.694*	*692.520.819.024*	-	-	*846.831.165.966*	*710.209.218.205*
- Giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-
Lãi (lỗ) hoạt động KD	9.813.624.269	(2.820.685.238)	-	-	11.810.583.991	(1.427.066.732)
Lãi vay	*12.869.160.968*	11.849.595.332	-	-	-	-
Lãi (lỗ) hđ tài chính khác	4.196.933.219	(5.666.631.218)	(28.208.705)	(75.731.884)	12.869.160.968	11.849.595.332
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính	(8.672.227.749)	(17.516.226.550)	(28.208.705)	-	4.170.667.235	(5.666.631.218)
Thu nhập khác	1.006.761.109	249.339.570	-	-	(8.698.493.733)	(17.516.226.550)
Chi phí khác	850.646.418	21.887.926	-	-	1.046.074.507	249.825.504
Lãi (lỗ) hoạt động khác	156.114.691	227.451.644	-	-	851.048.868	59.012.706
Lợi nhuận trước thuế	1.297.511.211	(20.109.460.144)	-	-	195.025.639	190.812.798
Thuế TNDN	2.061.904.042	173.151.725	-	-	3.307.115.897	(18.752.480.484)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(764.392.831)	(20.282.611.869)	-	-	2.061.904.042	-
					1.245.211.855	(18.752.480.484)

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý	Văn phòng		Loại trừ		Tổng cộng	
	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tài sản bộ phận	445.496.903.950	339.516.404.559	(2.669.986.973)	(3.973.490.145)	452.643.482.683	356.114.183.751
Tổng tài sản	**445.496.903.950**	**339.516.404.559**	**(2.669.986.973)**	**(3.973.490.145)**	**452.643.482.683**	**356.114.183.751**
Nợ phải trả bộ phận	338.455.402.103	242.101.657.025	(2.669.986.973)	(3.973.490.145)	337.034.465.892	241.750.378.815
Tổng nợ phải trả	**338.455.402.103**	**242.101.657.025**	**(2.669.986.973)**	**(3.973.490.145)**	**337.034.465.892**	**241.750.378.815**

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan	Mối quan hệ
HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc		
Bà Trần Như Thiên My	*650.380.527*	*663.412.504*
Ông Nguyễn Anh Tuấn	*522.619.482*	*540.554.104*
Cộng	**1.173.000.009**	**1.203.966.608**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thù lao Hội đồng quản trị		
Ông Lê Vĩnh Hòa	*96.000.000*	*94.000.000*
Ông Trần Mạnh Hữu	*72.000.000*	*72.000.000*
Ông Lê Mạnh Thường	*72.000.000*	*74.000.000*
Bà Trần Như Thiên My	*72.000.000*	*72.000.000*
Ông Đỗ Văn Sinh	*72.000.000*	*72.000.000*
Cộng	**384.000.000**	**384.000.000**

9. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thù lao Ban kiểm soát		
Ông Trần Phước Thái	*38.400.000*	*38.400.000*
Ông Trần Hữu Hoàng	*28.800.000*	*28.800.000*
Ông Phạm Minh Khuê	*28.800.000*	*28.800.000*
Cộng	**96.000.000**	**96.000.000**

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

11. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Công ty đang phát sinh các vụ kiện thu hồi nợ với hai công ty, bao gồm: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân và Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR. Theo đó:

- Đối với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân: Ngày 21/01/2020, Công ty đã nộp hồ sơ, đơn khởi kiện với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân tại Tòa án Nhân dân Thành phố Thái Bình. Qua nhiều phiên tòa xét xử, ngày 10/08/2020, Tòa án Nhân dân Thành phố Thái Bình ra Quyết định số 03/2020/QĐST-KDTM công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, quyết định có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

đưa ra tại công văn số 87/CV-ĐQ ngày 13/07/2020. Đến thời điểm hiện tại, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân mới chỉ thanh toán được 300.000.000 VND. Luật sư sẽ phải thực hiện yêu cầu thi hành án theo quyết định của Tòa án Nhân dân Thành phố Thái Bình.

- Đối với Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR: Ngày 20/01/2020, Công ty đã nộp đơn khởi kiện với Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR đến Tòa án Nhân dân Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Ngày 31/12/2020, Tòa án Nhân dân Quận Hoàn Kiếm chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án Nhân dân Thành phố Thái Bình. Ngày 29/04/2021, Tòa án Nhân dân Thành phố Thái Bình lập biên bản hòa giải. Theo đó: đại diện Công ty giữ nguyên nội dung theo đơn khởi kiện và bản tự khai, đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR đồng ý thanh toán nợ theo đơn khởi kiện. Ngày 11/5/2021, Tòa án Nhân dân Thành phố Thái Bình gửi giấy báo triệu tập tham gia tố tụng tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án. Ngày 22/06/2021, Tòa án Nhân dân Thành phố Thái Bình tuyên án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty đối với Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR, buộc Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty số tiền 23.986.810.400 VND nợ gốc theo Hợp đồng kinh tế số 1208 – 2017/3GR-SPD ngày 12/08/2017 và 10.827.246.434 VND nợ lãi tính từ ngày 01/12/2017 đến 22/6/2021, tổng cộng là 34.814.056.834 VND. Trường hợp Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ số tiền nợ trên, Công ty có quyền yêu cầu Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là 2.000.000 cổ phiếu FTM do Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đức Quân phát hành là tài sản của bà Phạm Thị Hà theo hợp đồng cầm cố ngày 15 và 17/08/2017 để thu hồi nợ. Nếu sau khi xử lý tài sản đảm bảo không đủ trả nợ thì Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR tiếp tục trả cho Công ty đến khi trả xong nợ.

Trần Như Thiên My	**Lê Thanh Phương**	**Trần Thị Thanh Thủy**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**
Đà Nẵng, ngày 22 tháng 02 năm 2022		

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK THUỶ SẢN MIỀN TRUNG

Số: 25 /CV-CT

"Giải trình chênh lệch Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 02 năm 2022

Kính gửi: **Ủy Ban chứng khoán nhà nước**
Sở giao dịch chứng khoán

Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung (Mã chứng khoán: **SPD**) – địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, P. Thọ Quang, Q. Sơn Trà, Tp. Đà Nẵng - xin giải trình số liệu chênh lệch Báo cáo tài chính đã được kiểm toán kết thúc ngày 31/12/2021 so với cùng kỳ 2020, như sau:

CHỈ TIÊU	Năm 2020	Năm 2021	CHÊNH LỆCH	
			GIÁ TRỊ	%
Doanh thu bán hàng	*709,010,165,383*	*859,356,487,914*	*150,346,322,531*	*121.2*
Lợi nhuận sau thuế	*(18,752,480,484)*	*1,245,211,855*	*19,997,692,339*	

1-Về doanh thu bán hàng:

Doanh thu lũy kế năm 2021 tăng 150,34 tỷ đồng tương đương 121,2% so với cùng kỳ; lý do chênh lệch thực hiện 2021 so với cùng kỳ:

Mặc dù dịch bệnh ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình sản xuất xuất khẩu, nhất là giai đoạn quý III khiến cộng đồng doanh nghiệp lo lắng, nhưng thật may mắn, thủy sản Việt Nam đã lội ngược dòng trong những tháng cuối năm 2021 vượt trên mong đợi.

Công ty không nằm ngoài vòng xoáy của dịch bệnh, năm 2021 công ty cũng phải dừng sản xuất, chi phí liên quan đến dịch bệnh khá lớn, Thế nhưng, toàn thể cán bộ công nhân viên đã có một năm nỗ lực làm việc để vượt qua khó khăn, đảm bảo kế hoạch sản xuất xuất khẩu cũng như kiểm soát dịch bệnh để sản xuất phải an toàn và an toàn mới sản xuất;

- Sản xuất xuất khẩu thủy sản năm 2021 của Công ty có sự tăng trưởng tốt, dù Công ty bị ảnh hưởng trực tiếp và nặng nề bởi đại dịch Covid-19. Nhờ sự cố gắng nỗ lực và tập trung cho hoạt động mũi nhọn là SX-XK thủy sản, doanh số bán hàng lĩnh vực này có sự phát triển và tiếp tục thể hiện là vai trò chủ đạo trong hoạt động SXKD của Công ty, lũy kế năm 2021 đạt 859,35 tỷ đồng tăng 150,34 tỷ # tăng 21,2% so với cùng kỳ 2020 (709,01 tỷ đồng).
- Hoạt động kinh doanh vật tư năm 2021 không cao, chỉ đạt 1,03 tỷ đồng (so với cùng kỳ 2020 không có doanh số).
- Hoạt động kinh doanh dịch vụ: năm 2021 đạt 13,875 tỷ đồng tương đương 107,06% so với cùng kỳ 2020 (12,96 tỷ đồng).
- Hoạt động SX-KD thức ăn nuôi thủy sản: năm 2021 đạt 19,09 tỷ đồng tương đương 107,81% so với cùng kỳ 2020 (17,71 tỷ đồng).

2-Về lợi nhuận sau thuế:

Năm 2021, như đã trình bày, hoạt động của Công ty tiếp tục gặp nhiều khó khăn, dù có sự tăng trưởng về doanh thu nhưng giá nguyên vật liệu trong luôn ở mức giá cao ảnh hưởng lớn đến hiệu quả, công ty phải chi phí nhiều do dịch bệnh, lũy kế năm 2021 công ty lãi 1,245 tỷ đồng, so với cùng kỳ lỗ 18,752 tỷ đồng.

Trên đây là giải trình những chỉ tiêu biến động trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính, kết thúc vào ngày 31/12/2021, nguyên nhân chênh lệch để Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và toàn thể Cổ đông được biết.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- *Như trên*
- *Lưu VT*

CÔNG TY CP XNK THỦY SẢN MIỀN TRUNG
TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Như Thiên My

CÔNG TY CP XNK TS MIỀN TRUNG
01 Bùi Quốc Hưng, Q. Sơn Trà, Tp. Đà Nẵng

Số: .24.../CV-CT
"Giải trình về ý kiến ngoại trừ trên báo cáo kiểm toán 2021"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 02 năm 2022

Kính gửi: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung (Mã chứng khoán: SPD) xin chân thành cảm ơn sự quan tâm giúp đỡ của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán trong thời gian qua.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung xin giải trình về ý kiến kiểm toán trên Báo cáo tài chính năm 2021 như sau:

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Công ty kiểm toán:

Như trình bày tại Thuyết minh số 4.2, Kiểm toán viên không thu thập được Báo cáo tài chính cũng như các thông tin báo cáo tài chính của khoản đầu tư vào Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Đầu tư New City Seadanang, các thủ tục thay thế cũng không thực hiện được. Tổng giá gốc của khoản đầu tư liên kết nêu trên tại 31/12/2021 là: 18.365.570.000 VND. Do hạn chế phạm vi kiểm toán, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về ảnh hưởng của khoản đầu tư nêu trên đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính.

Giải trình từ phía Công ty:

Công ty đã nhiều lần gửi công văn đến Công ty CP Đầu tư New City Seadanang về việc yêu cầu cung cấp báo cáo tài chính nhằm đánh giá giá trị khoản đầu tư. Tuy nhiên đến nay Công ty vẫn chưa nhận được Báo cáo tài chính của các năm 2019, 2020 và 2021 của Công ty CP Đầu tư New City Seadanang. Bên cạnh đó, Công ty CP Đầu tư New City Seadanang chưa được giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán và cũng không có các nguồn thông tin về báo cáo tài chính trên web.

Do không thu thập được thông tin về báo cáo tài chính năm 2021 để đánh giá giá trị khoản đầu tư, xem xét trích lập dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư tài chính dài hạn (nếu có) theo quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Nên Công ty kiểm toán đưa ra ý kiến ngoại trừ về khoản đầu tư vào Công ty liên kết này.

Trên đây là giải trình về ý kiến kiểm toán trên Báo cáo tài chính năm 2021 để Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và toàn thể Cổ đông được biết.

Xin trân trọng cảm ơn!

CÔNG TY CP XNK THỦY SẢN MIỀN TRUNG
TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0400100778 - C.T.C.P * CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG * Q. SƠN TRÀ - TP. ĐÀ NẴNG

Trần Như Thiên My

Nơi nhận:
- *Như trên*
- *Lưu VT*

SPD
Aquaculture & Fisheries

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN XNK THỦY SẢN MIỀN TRUNG

M.S.D.N: 0400100778 - C.T.C.P * CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG * Q. SƠN TRÀ - TP. ĐÀ NẴNG

Trần Như Thiên My
Tổng Giám đốc